

HOA NGHIÊM KINH THÁM HUYỀN KÝ

QUYỂN 19

Từ đây trở xuống trình bày về Thiện tri thức thuộc Thập Hạnh có mười người, mỗi người là một phần vị.

Trong phần vị thứ nhất là Hoan Hỷ Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đất nước tên gọi Cứu Độ, là bởi vì thường dùng Pháp thí-Tài thí giúp cho tất cả. Lại hạnh luôn luôn cứu giúp chúng sinh, cho nên gọi là Cứu; khiến cho đạt được pháp xuất thế, lại gọi là Độ. Tỳ-kheo Thiện Hiện là hành tướng vượt lên trên Tỳ-kheo, biểu thị cho bên trong thành tựu hạnh bố thí-bên ngoài hiện rõ báo thù thắng, cho nên gọi là Thiện Hiện. Khuyến khích hướng đến-chỉ dạy thưa hỏi... có thể biết.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Trước là tư duy nghĩ đến pháp trước đây, sau là dần dần đến phần vị tiếp sau.

Trong phần trước: Một câu đầu là tổng quát nghĩ đến môn Phổ trang nghiêm thuộc Bát-nhã trước đây. Mười một câu sau là riêng biệt: 1) Đã chứng được; 2) Đã dựa vào; 3) Đã vượt qua; 4) Đã thực hành, cũng là các hành hữu vi vô tánh; 5) Sát na lia xa tâm sinh diệt; 6) Huyền ảo hiện bày như ánh sáng; 7) Nghĩ đến chân tánh thuộc lý; tiếp là hai câu nghĩ đến nghĩa của ngôn ngữ; sau cuối là hai câu nghĩ đến nhân quả.

Trong phần ba, Từ “Ư thành...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi: Một, Suy xét tìm tòi để lựa chọn, tìm cầu ở nơi đô thị... biểu thị cho hạnh vô trước tùy duyên thành tựu về tu. Hai, Từ “Kiến bỉ Tỳ-kheo...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy tướng thù thắng. Nói kinh hành ở trong rừng là biểu thị cho tướng của xuất thế gian, cũng hiển bày về nơi chốn tu hành. Tiếp là Chánh báo thù thắng, biểu thị cho Hạnh thuận với quả Phật cho nên Tướng giống như Phật. Địa Phẩm nói: “Thực hành như lời nói mới đạt được Thánh pháp.” Chính là nói đến nghĩa này. Tiếp từ “Thiên long...” trở xuống là trình bày về quyền thuộc thù thắng phát khởi những sự cúng dường. Ba-Từ “Nhĩ thời...” trở xuống

là lễ lạy cung kính trình bày thưa hỏi, có thể biết.

Phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có ba: Một, Nêu rõ dựa vào duyên đạt được pháp; Hai, Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp; Ba, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi của pháp môn.

Trong phần một cũng có ba: a) Niên thiếu gần ngày xuất gia, là lần đầu tiến vào hạnh vị cho nên gọi là niên thiếu, bắt đầu rời khỏi nhà Thập Trú cho nên nói là gần ngày. b) Từ “Tự ngã...” trở xuống là trình bày về đã cúng dường chư Phật, phần vị trước là ba mươi sáu, trong phần vị này dần dần tăng lên vốn là ba mươi tám hằng hà sa. Lại nói từ lúc con sinh ra đến nay là tựa như ở một đời trải qua bấy nhiêu kiếp cúng dường chư Phật ấy, đây là nghĩa gì? Giải thích rằng: Hoặc là báo mạng rất dài; hoặc dùng một đời thâm nhiếp nhiều kiếp, như một niệm thâm nhiếp thời kiếp...; hoặc tiến vào Phật pháp là sinh ra. Luận nói từ lúc con sinh khởi tâm Bồ-đề này đến nay, trải qua bấy nhiêu kiếp cúng dường bấy nhiêu Đức Phật; lại Niết-bàn cúng dường tám hằng hà sa Đức Phật thâm nhiếp phần vị của nhân... c) Từ “Bỉ chư Phật sở...” trở xuống là trình bày về thành tựu hạnh đạt được pháp: Một là câu tổng quát. Hai từ “Trang nghiêm...” trở xuống là trong riêng biệt nêu ra ba loại: 1) Định Nguyện; 2) Nguyện Hạnh; 3) Từ “Cụ túc...” trở xuống đức đầy đủ. Ba từ “Nghiêm tịnh...” trở xuống là giải thích đưa ra ba nhân, như thứ tự có thể biết.

Phần hai là ngay trong nghiệp dụng có mười một câu, đều trước là phân rõ về nghiệp dụng, sau là đưa ra nguyên nhân: Ba câu đầu là lực trang nghiêm của Định Nguyện trước đây, một câu tiếp là lực của Hạnh Phổ Hiền trước đây, bảy câu còn lại là lực thuộc Hạnh-Nguyện của Bồ-tát trước đây. Trong đó: Hai câu đầu là cúng dường Phật-nghe pháp, là nhận biết Bồ-đề bảo vệ Pháp luân... trước đây; hai câu tiếp là Hạnh và Định sâu xa; ba câu sau là đã nhận biết rộng lớn.

Phần ba là kết luận về tên gọi, soi chiếu xa rõ ràng sáng tỏ gọi là Đăng Minh; tức là mười Bất khả thuyết..., thường sử dụng không hề cạn, gọi là Tùy Thuận. Bản văn Thiên Trúc gọi là Bất Hư Túc Trí Đăng Bồ-tát Giải Thoát.

Trong phần năm, Từ “Chư Kim Cang...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, đây là cùng loại dựa vào mở rộng: Một, Hiển bày sinh trong dòng dõi thù thắng; Hai, Mạng của Báo thù thắng, trước đây tuy là một đời đến Bất khả thuyết kiếp, mà chưa đạt được bất tử cho nên nay mở rộng; Ba, Thể của Báo thù thắng, nghĩa là Trí bên trong không cùng

tận, Sắc bên ngoài không hư hoại; Bốn, Từ “Phổ quán...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng thù thắng; Năm, Từ “Ngã đương vân hà...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ nhất là Hoan Hỷ Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ hai là Nhiều Ích Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Một, Đất nước tên gọi Thâu-na, Trung Hoa gọi là Tịnh-cũng gọi là Thiên, là tên gọi của dòng sông lớn, nghĩa là đất nước có dòng sông này, từ sự việc mà làm tên gọi. Các ngoại đạo và người thế gian đều nói: Tắm gội ở trong dòng sông này, đều diệt tội tăng phước. Vì vậy lấy làm tên gọi, biểu thị cho hạnh trì giới, xa rời nghiệp sai trái. Đồng tử tên gọi Thích Thiên Chủ, Đồng tử là biểu thị cho giới hạnh thanh khiết, tự tại đối với giới, cho nên gọi là Thiên Chủ. Lại dựa theo bản văn Thiên Trúc, nên gọi là Chư Căn Tự Tại, bởi vì tiếng Phạm gọi là Nhân-đà-la, Trung Hoa nói là tên gọi của Đế Thích; Nhân-đạt-lợi, Trung Hoa nói là Căn; Thấp-phiệt-la, Trung Hoa nói là Tự Tại, cũng gọi là Chủ. Bởi vì Thích Thiên và Căn, tiếng Phạm nói gần nhau, đều dựa vào một tên gọi. Hai, Khuyến khích hướng đến chỉ dạy thưa hỏi.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiên Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Trình bày về khởi lên ý niệm thù thắng; Hai, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui; Ba, Cùng với mọi người đi đến.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi: Một, Suy xét tìm tòi nói rõ cho biết. Khu thành Thiên cũng là tên gọi Thâu-na. Bản văn Thiên Trúc gọi là khu thành Thiên, mà nói bên ngoài thành vốn là biểu thị cho giới hạnh phòng ngừa bên ngoài. Bên cạnh dòng sông vốn là biểu thị cho nước Định phát ra, dòng sông tức là nước của sông ấy. Hai, Nhìn thấy ở nơi ấy trêu chọc đùa vui với cát, là trình bày về ba Tự giới do nhiều phương tiện tập hợp mà khởi lên. Ba, Lễ lạy cung kính. Bốn, Trình bày thưa hỏi, có thể biết.

Phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có ba: Một, Nêu ra Thể của pháp môn; Hai, Từ “Thiên nam tử ngã nhân...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng; Ba, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

Trong phần một: Văn Thù chỉ dạy, là biểu thị rõ ràng người có thể bảo vệ giới cho nên nhận biết về tướng, mười thiện là hiền lành, mười ác là hung dữ, tướng của giới không phải một cho nên gọi là pháp thuộc toán số. Trí Luận nói: “Giới phẩm của Bồ-tát như số vi trần, thiện ác nhân quả do lý quyết định, cho nên gọi là Ấn pháp.” Lại có người Giải

thích rằng: “Đầu là Luật nghi giới đoạn trừ tướng hung dữ, tiếp là Nhiếp thiện giới luôn luôn tu nhiều pháp thiện, sau là Nhiếp sinh giới cứu giúp chữa trị phù hợp với căn cơ.” Vì vậy đạt được tất cả pháp thuật khéo léo..., là khéo léo nhận biết về pháp thế gian chuyển thành tác dụng của xuất thế gian, bản văn Thiên Trúc nói là Ta đạt được Trí có thể khéo léo chuyển biến tất cả các pháp.

Trong phần hai là trình bày về nghiệp dụng, có hai: a) Hiến bày về công năng của hai pháp là Tướng và Ấn, bởi vì Tướng nhận biết về thiện ác, Ấn trừ diệt tai họa, cho nên cùng phân rõ. b) Từ “Phục thứ...” trở xuống là hiện rõ công năng của toán pháp; La-xoa, Trung Hoa nói là Vạn.

Phần ba là kết luận về phạm vi của mình, có thể biết.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Tổng quát nêu ra đã mở rộng; Hai, Từ “Ngã đương...” trở xuống là chính thức mở rộng không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ hai là Nhiều Ích Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ ba là Vô Huệ Hận Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Hải Trú, nếu tùy theo tướng để giải thích thì khu thành này ở gần bên Nam Hải; nếu dựa theo văn sau thì đưa ra Tài thí-Pháp thí không thể hết, cho nên nói là Hải Trú. Ưu-bà-di tên gọi Tự Tại là dựa theo hạnh, bởi vì Nhẫn lìa xa sân-si cho nên nói là Tự Tại; nếu dựa theo đức dụng, thì tác dụng tùy theo chí hướng, cho nên nói là Tự Tại, tức là hiến bày ở văn sau. Bản văn Thiên Trúc gọi là Chân Thật Phú Mãn, Giải thích rằng: Bởi vì Tài-Pháp đầy khắp mọi nơi.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tìm cầu: Một, Trình bày về được huân tu; Hai, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui; Ba, Lưu luyến ngưỡng mộ ca ngợi về đức có mười Dụ, có thể biết.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi: Một, Suy xét tìm tòi... là trình bày về phương tiện tiến vào pháp; Hai, Từ “Tiến nhập...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy Chánh báo, quần áo mặc loại trừ đồ vật trang nghiêm là biểu thị cho tướng của Nhẫn; Ba, Từ “Ưu kỳ cung...” trở xuống là nhìn thấy Y báo, bốn cửa mở rộng là bốn Nhiếp vốn thâm nhiếp chúng sinh; Bốn, Từ “Nhất vạn nữ...” trở xuống là nhìn thấy quyến thuộc thù thắng, trong đó ngữ âm-thân tướng-hương thơm đều làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Lễ lạy cung kính-trình bày thưa hỏi, có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức nêu rõ về pháp giới, có ba: Một, Nêu ra Thể của pháp môn; Hai, Từ “Dĩ nhất khí...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng; Ba, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận pháp thuộc về mình.

Trong phần một: Bởi vì sinh ra nghiệp dụng không cạn kiệt cùng tận, cho nên gọi là Vô tận tạng; đã sinh ra lợi ích cho chúng sinh, đầy đủ đức thù thắng cho nên gọi là công đức trang nghiêm.

Trong phần hai là nghiệp dụng, có ba: a) Trình bày về nghiệp dụng của pháp môn; b) Từ “Nhữ kiến ngã thử...” trở xuống là khiến cho nhìn thấy lợi ích giống nhau; c) Từ “Thả đãi...” trở xuống là nêu ra hiện tại để nghiệm xét về thành tựu.

Trong mục a có ba: 1) Lợi ích về bố thí ăn uống cho chúng sinh...; 2) Lợi ích về bố thí cho Nhị thừa...; 3) Lợi ích về bố thí cho Bồ-tát.

Trong mục một: Một bát thức ăn, xưa Giải thích rằng: “Phẩm loại thù thắng vốn dựa vào một vị Chân Như; tùy theo những điều mong muốn của chúng sinh, là thuyết pháp hợp với căn cơ; mà không có tăng giảm, là sử dụng nhưng không hết.” Lại giải thích: Chỉ là một bát cơm, mà dung thông duyên khởi vô tận giống như pháp giới, vì vậy tất cả căn cơ đều thích ứng, tất cả thích ứng đều lợi ích, tất cả lợi ích đều xứng với pháp giới của phần vị mình, cho nên nói là tùy theo mong muốn mà không có tăng giảm.

Trong mục b là hiện rõ lợi ích giống nhau, có hai: 1) Nêu ra căn-hạnh của mình và quyến thuộc giống nhau, có hai mươi tám câu: Đầu là mười câu gọi là hạnh phương tiện thuộc Tự phần, tiếp từ “Đồng cảnh giới...” trở xuống là bốn câu về pháp đã tu giống nhau, sau từ “Đồng cụ Bồ-tát...” trở xuống là mười bốn câu về hạnh Tự-Tha đầy đủ giống nhau. 2) Từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là hiển bày tướng thâu nhiếp thành tựu của mình.

Mục c từ “Thiện nam tử thả đãi...” trở xuống là nêu ra sự việc hiện tại để nghiệm xét về thành tựu.

Trong phần ba từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi, có thể biết.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Riêng biệt nêu ra pháp đã mở rộng; Hai, Kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ ba là Vô Huệ Hạn Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ tư là Vô Tận Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Đại Hưng, là tinh tiến hừng hực mà gọi tên. Lại dùng nhiều Tài-

Pháp phát khởi thành tựu Đại thí, cho nên lấy làm tên gọi. Trưởng giả như trước giải thích; hạnh tinh tiến thù thắng nhất trong các vị, cho nên gọi là Cam Lộ; hạnh đức thù thắng vượt ra biểu thị như Đảnh.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui; Hai, Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là nhớ lại pháp trước đây; Ba, Từ “Tiệm tiệm...” trở xuống là đến nơi phần vị tiếp sau.

Trong phần ba, Từ “Châu biến...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi: Một, Suy xét tìm tòi; Hai, Từ “Lạc cầu...” trở xuống là khởi lên mong muốn thù thắng; Ba, Chính thức nhìn thấy Y-Chánh thù thắng và quyển thuộc thù thắng; Bốn, Lễ lạy cung kính; Năm, Trình bày thưa hỏi về hạnh.

Trong phần bốn, Từ “Trưởng giả đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình: Một, Khen ngợi về phát tâm. Hai, Từ “Thiện nam tử nữ kiến ngã...” trở xuống là pháp thâm nhiếp quyển thuộc, khiến cho thành tựu mười loại lợi ích, có thể biết. Ba, Nêu ra pháp môn của mình, đó là Tài-Pháp vô tận chứa đựng ở hư không, tùy ý cung cấp bố thí, cho nên lấy làm tên gọi. Bốn, Từ “Tùy kỳ sở tu...” trở xuống là trong phần trình bày về nghiệp dụng của pháp môn: a) Tổng quát nêu ra kho báu công đức như ý làm lợi ích cho chúng sinh; b) Từ “Thả đãi...” trở xuống là nêu ra sự việc để nghiệm xét về thành tựu: Trước là nhìn thấy chúng quy tụ; tiếp là quán sát hư không mưa xuống đồ vật, đây là giống như Tam-muội Phá Hư Không Khí, chính là pháp của Thập Hạnh đã đạt được; sau là trao cho pháp khiến cho vui mừng. Năm, Kết luận về pháp môn của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Tổng quát về mở rộng; Hai, Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt có mười câu; Ba, Từ “Ngã đương...” trở xuống kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ tư là Vô Tận Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ năm là Ly Si Loạn Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Sư Tử Trùng Các, là mười đức lần lượt khởi lên hình dạng tương tự Trùng Các; bậc hùng mãnh là chư Phật Bồ-tát ở tại phần vị ấy, cho nên nói là Sư Tử, ngôi nhà này ở tại kinh thành ấy, kinh thành dựa vào tên gọi của ngôi nhà mà lấy làm tên gọi. Trưởng giả Pháp Bảo Châu La; Châu La, Trung Hoa nói là Đảnh Kế, là bởi vì pháp thành tựu người; Bảo là Đảnh Kế, bản văn Thiên Trúc nói: Trưởng giả có pháp, gọi là Bảo Châu La, hiển bày về tướng đáng quý rất tôn trọng của Dụng thuộc

Định ấy.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui; Hai, Nghĩ đến pháp môn trước đây để huân tu nuôi lớn; Ba, Dần dần đến phần vị tiếp sau. Tất cả nơi vẫn có thể thấy.

Trong phần ba, Từ “Châu biến suy cầu...” trở xuống là trình bày về gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi, trong đó đối với đạo được gặp là trình bày về Đạo lực tùy duyên tiếp xúc với chúng sinh liền ứng.

Trong phần bốn, Từ “Thời bỉ Trưởng giả...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có bốn: Một, Nắm tay... là trao cho phương tiện, tức là Gia hạnh; Hai, Quán sát khắp nơi... là chính thức nhìn thấy pháp giới, tức là Chánh chứng; Ba, Thưa hỏi về nhân duyên của pháp, tức là Hậu đắc; Bốn, Tôi chỉ... là kết luận về pháp của mình đã nhận biết, tức là thiết lập tên gọi.

Phần một, Nắm tay dẫn về là biểu thị cho thâm nhiếp đưa về những pháp đã chứng, tạm thời quán sát nhà tôi là dùng pháp chính thức trao cho.

Phần hai, Từ “Thiện Tài biến quán...” trở xuống là chứng thực nhìn thấy pháp giới: a) Tổng quát quán sát; b) Từ “Kỳ trạch quảng đại...” trở xuống là riêng biệt quán sát, nói nhà này mười lớp là xếp chồng hướng lên trên.

Tướng này khó xác định, sơ lược đưa ra ba cách giải thích:

Cách thứ nhất là dựa vào Sư xưa nói: Mười lớp tức là mười Địa, bởi vì tám Thánh đạo cùng đi vào cho nên lấy làm tám môn, hoặc là bốn Nhiếp-bốn Vô lượng cũng làm tám môn:

Một: Bố thí ăn uống, đó là Đàn hạnh của Địa thứ nhất.

Hai: Bố thí áo quần quý báu, là y phục thuộc Giới hạnh tám quý của Địa thứ hai.

Ba: Bố thí đồ vật trang nghiêm quý báu, là Nhẫn hạnh của Địa thứ ba, dùng để trang nghiêm cho thân.

Bốn: Bố thí quyến thuộc bên trong, là Đạo phẩm Trợ hạnh của Địa thứ tư.

Năm: Kết tập Chánh pháp..., là đạt được Ngũ Minh luận... của Địa thứ năm.

Sáu: Đạt được Bát-nhã đầy đủ của Bồ-tát..., là đạt được Đại trí Bát-nhã của Địa thứ sáu hiện rõ trước mắt, trong đó có ba: a) Tổng quát hiển bày về Trí sâu xa. b) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười môn: 1) Soi chiếu tức là vắng lặng; 2) Vắng lặng ngay nơi soi

chiếu; 3) Duyên bên ngoài không lay chuyển; 4) Soi chiếu bên trong vốn lia xa nhiệm; 5) Thể kiên cố; 6) Dụng rộng rãi; 7) Hàm chứa đức thù thắng; 8) Nhìn thấy pháp giới; 9) Nhiều phương tiện khéo léo; 10) hợp với căn cơ của chúng sinh; 11) Dựa theo Dự hiển bày, là bởi vì số tăng thêm. c) Từ “Kết tập như thị...” trở xuống là kết thúc mở rộng-hiển bày tóm lược.

Bảy: Hưởng về Nhẫn của Bồ-tát..., là đạt được hạnh thù thắng trong quả báo của Địa thứ bảy, nhận biết các loại giáo pháp không có nghĩa sai khác, thành tựu hưởng về Nhẫn.

Tám: Thường trú như Bồ-tát..., trong này có hai đức: Địa thứ tám chứng được pháp giới không có tăng giảm, thần thông-quốc độ... là vốn tự tại đối với ba thế gian, đến tất cả... là trình bày về thọ trì Phật pháp của Địa thứ chín.

Chín: Bồ xứ... là trình bày về tiếp nhận chức vị của Địa thứ mười..., cũng là phần vị Đẳng Giác.

Mười: Tất cả Như Lai là phần vị Diệu Giác, từ Sơ phát tâm... là trình bày về thâm nhiếp nhân thành tựu quả.

Cách thứ hai Lại giải thích: Mười lớp trên đây, tức là toàn bộ phần vị của Thập Hạnh này, bắt đầu từ bố thí ăn uống gọi là Hoan Hỷ Hạnh, cho đến Như Lai sung mãn thứ mười là Chân Thật Hạnh, bởi vì ở một phần vị thâm nhiếp tất cả phần vị. Ở đây có hai lớp: 1) Dùng Thập Hạnh về trước thâm nhiếp Thập Trú và Thập Tín, Thập Hạnh về sau thâm nhiếp Thập Hồi Hưởng và phần vị Thập Địa. 2) Đã dùng Thập Hạnh thâm nhiếp toàn bộ các phần vị, ở trong mười phần vị của mình lại dùng một phần vị thâm nhiếp tất cả phần vị, cho nên ở trong Hạnh thứ năm này có đủ Thập Hạnh này. Trước đây Tỳ-kheo Hải Tràng ở phần vị Thập Trú, Phật trên đỉnh đầu thuyết pháp, vẫn dùng môn thuộc Thập Trú này thâm nhiếp tất cả phần vị; nay Trưởng giả này ở phần vị Thập Hạnh, nơi nhà mình đang ở, vẫn dùng môn thuộc Thập Hạnh thâm nhiếp tất cả phần vị, vậy thì hai nơi thâm nhiếp nghĩa như nhau. Nhưng bởi vì trước dựa vào Trú thứ sáu mà nói, ở đây dựa theo Hạnh thứ năm phân rõ; lại trước dựa vào Phật trên đỉnh đầu, ở đây dựa theo ngôi nhà đang ở, đều là biểu thị cho thù thắng-yếu kém vốn không giống nhau.

Cách thứ ba lại giải thích toàn bộ không dựa theo phần vị, nhưng Bồ-tát này dùng hạnh dựa vào cơ, hiện rõ ở nơi dấu tích thù thắng. Theo quy phạm nói là mười để hiển bày về Vô tận: Bốn phần vị đầu là dùng vật để bố thí, trước dễ-sau dần dần khó; hai phần vị tiếp là tích tập về

pháp để bố thí, trước cạn mà sau sâu xa; hai phần vị tiếp là lãnh thọ giáo pháp, trước hẹp mà sau rộng rãi; hai phần vị sau cuối là hiện rõ đức thù thắng, trước nhân mà sau quả. Toàn bộ mười phần vị này đều từ thô dần dần tế, có thể biết. Lại Trưởng giả này thấu nhiếp đầy đủ các pháp như nhân quả-hạnh vị..., toàn bộ làm chỗ dựa cho nên lấy làm nhà.

Trong phần ba là Hậu đắc hiển bày về nhân vốn có của pháp, trong đó: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong đáp: Thiện căn hồi hướng ba nơi, đó là: 1) Diệt trừ nghèo khổ, tức là Báo của bốn lớp đầu trong mười lớp; 2) Được thấy Phật Bồ-tát... 3) Luôn luôn được nghe Chánh pháp, hai loại này tức là Báo của lớp thứ năm trở lên. Vì vậy đạt được Báo này, là hồi hướng cầu mong ba nơi đầy đủ mười lớp.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi của pháp, nghĩa là ba nơi xứng với Túc nguyện đã mong cầu, như ý thành tựu đầy đủ mười lớp, cho nên gọi là pháp môn Mãn Túc Đại Nguyện. Bản văn Thiên Trúc nói đạt được giải thoát của Bồ-tát, gọi là Đạo tràng trang nghiêm vô ngại. Giải thích rằng ngôi nhà mười lớp gọi là Đạo tràng trang nghiêm, Túc nguyện thành tựu đầy đủ gọi là Nguyện vô ngại, tức là dùng Nguyện lực vô chướng ngại ấy để trang nghiêm nơi ngôi nhà này gọi là Đạo tràng.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Đầu là riêng biệt phân rõ có mười câu, đều nói không thể hủy hoại là bởi vì đức đầy đủ tận cùng, bởi vì không có tiến lên cao hơn nữa, bởi vì không bị duyên làm cho lay động; sau từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Dựa vào bản văn Thiên Trúc nói: Tôi đối với công đức ấy làm sao có thể nhận biết mà có thể nói về hạnh ấy? Giải thích rằng: Tức là đối với đức đã thành tựu ấy không thể nào nhận biết rõ ràng, hạnh đang thực hành cũng không thể nào nói được. Các văn trên dưới đều giống như vậy, nên biết! Phần vị thứ năm là Ly Si Loạn Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ sáu là Tri thức Thiện Hiện Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đất nước tên gọi Thật Lợi Căn, đất nước là phạm vi giới hạn thuộc phần vị của cảnh, Bát-nhã lìa xa trái ngược phù hợp với Lý gọi là Thật, soi chiếu rõ ràng đời sau cho nên gọi là Lợi Căn. Đây là dựa vào nơi chốn để hiển bày về Hạnh thứ sáu. Thành là ngăn ngừa bên ngoài-giữ gìn bên trong, là Dụng của Diệu Trí, giản lược hẹp hòi chọn lấy rộng rãi cho nên nói là Phổ, bởi vì vào ra-qua lại thông suốt cho nên còn gọi là Môn. Phổ tức là

Môn, Phổ Môn tức là thành, đều là giải thích theo Trì nghiệp, đây là dựa theo pháp mà phân rõ. Lại giải thích: Thành thâu nhiếp quyền thuộc bởi vì nhiều nơi hướng về, cho nên gọi là Phổ Môn, đây là dựa theo Sự mà giải thích. Trưởng giả Phổ Nhân Diệu Hương là Trí soi chiếu gốc rễ của vị thuốc, xông ướp tất cả chúng sinh, cho nên lấy làm tên gọi.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Từ tạ; Hai, Nghĩ đến; Ba, Đến nơi. Trong nghĩ đến có mười câu: Đầu là một câu tổng quát nghĩ đến pháp trước đây, tiếp là hai câu trình bày về nhờ nghĩ đến mà đạt được, tiếp là một câu vui thích mong cầu không hề chán ngán, tiếp là ba câu thành tựu Căn-Lực giải thoát của Bồ-tát, tiếp là hai câu về hạnh nguyện tùy tâm, sau cuối là một câu đạt được Thể-Dụng của Trí.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi: Một, Dấy lên ý niệm mong cầu hướng đến; Hai, Nhìn thấy Y-Chánh thù thắng; Ba, Lễ lạy cung kính; Bốn, Trình bày thưa hỏi.

Trong phần bốn, Trao cho pháp giới của mình, có ba: Một, Khen ngợi phát tâm mà trao cho pháp phương tiện; Hai, Từ “Ngã tri nhất thiết...” trở xuống là trao cho nghiệp dụng của pháp môn; Ba, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về Thể và tên gọi của pháp.

Ngay trong nghiệp dụng có hai: Đầu từ “Liệu bệnh thông hóa...” trở xuống là làm lợi ích cho chúng sinh; sau từ “Ngã hựu thiện tri...” trở xuống là nhờ vào mùi hương mà khởi hạnh, cúng dường lên chư Phật.

Trong phần đầu có bốn: a) Trừ diệt nỗi khổ của thân ấy; b) Trao cho niềm vui của thân ấy; c) Từ “Nhiên hậu vị thuyết...” trở xuống là chữa trị căn bệnh của tâm ấy; d) Từ “Xưng dương...” trở xuống là chính thức trao cho Đại hạnh. Trong bốn loại này, hai loại đầu là cùng yên vui với chúng sinh, cũng là phương tiện thâu nhiếp giáo hóa; hai loại sau là làm lợi ích cho chúng sinh, cũng là chính thức trao cho pháp hành.

Ngay trong phần d có mười bốn câu: Ba câu đầu là trao cho pháp thuộc tâm Bồ-đề, bởi vì vốn là căn bản của hạnh, một là ca ngợi công đức của Phật khiến cho phát tâm cầu Nhất-thiết-trí, hai là tâm Đại Bi cứu giúp chúng sinh, ba là Trí thanh tịnh của các Độ là tâm chán ngán lìa xa hữu vi, cũng là tâm mở rộng tu hạnh thù thắng. Từ “Thuyết chư Đại nguyện...” trở xuống là mười một câu chính thức trao cho pháp hành thuộc mười Độ đã tu, đầu là nhờ vào Đại nguyện thực hành bố thí thâu nhiếp chúng sinh, cho đến cuối cùng là hai câu hiển bày về Trí độ.

Trong phần sau là nhờ vào mùi hương mà khởi hạnh: a) Nhận biết Thể của các loại hương; b) Thấp hương mà khởi nguyện; c) Như nguyện

xông ướp tất cả trở thành Đại cúng dường, nơi vẫn có thể thấy, bởi vì trong bản văn Thiên Trúc là người bán hương.

Trong phần ba là kết luận về Thế và tên gọi: Khiến cho chúng sinh hoan hỷ là như trước đã nói, bởi vì làm lợi ích yên vui cho chúng sinh. Phổ Môn là như trước đã nói, thấp hương xông ướp tất cả vốn làm trang nghiêm pháp giới. Nhìn thấy tất cả chư Phật, vốn là chư Phật mà mình đã cúng dường. Bản văn Thiên Trúc nói: Đạt được pháp môn khiến cho tất cả chúng sinh vui mừng đầy đủ Phổ Môn nhìn thấy Phật cúng dường hương thân.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Đầu là một câu nêu ra người ấy, tiếp là một câu tổng quát mở rộng về lợi ích to lớn, tiếp từ “Kỳ hữu kiến...” trở xuống là riêng biệt mở rộng về lợi ích nhìn thấy, từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ sáu là Thiện Hiện Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ bảy là Tri thức Vô Trước Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Mãn Tràng là sinh ra cảnh phương tiện đầy đủ thù thắng làm tên gọi. Nhà vua tên gọi Mãn Túc là Trí tròn vẹn khéo léo tự tại với thuận-nghịch, mà nhà vua ấy lại biểu thị cho tên gọi này.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến câu tìm: Một, Từ tạ; Hai, Nghĩ đến; Ba, Đến nơi. Ngay trong nghĩ đến: a) Một câu đầu là tổng quát nghĩ đến, bởi vì Vô Trước này là phần vị khéo léo, tổng quát thâm nhiếp về pháp của các phần vị trước đây, cho nên nói là theo thứ tự nhớ lại..., đây là nghĩ đến giáo pháp ấy; b) Từ “Phục tác...” trở xuống là nghĩ đến năng lực của người ấy; c) Từ “Như thị...” trở xuống là trình bày nhờ vào tư duy nghĩ đến mà đạt được Thắng tiến, Đại tâm có mười sáu câu: Đầu là chín câu về tâm của hành thuộc Tự phần; sau từ “Kiến chư Phật...” trở xuống là đạt được tâm thuộc Thắng tiến.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa hỏi, có bảy: Một, Hỏi đáp chỉ ra rõ ràng. Hai, Từ “Dao kiến bỉ Vương...” trở xuống là nhìn thấy Y-Chánh thù thắng. Ba, Nhìn thấy tướng trái ngược ấy. Bốn, Đã sinh lòng nghi ngờ quái lạ. Năm, Chư Thiên giữa hư không vì vậy mà quyết đoán, trong đó có hai: a) Nêu ra lời dạy trước đây là chân thật khiến cho không sinh lòng nghi ngờ; b) Từ “Bồ-tát phương tiện...” trở xuống trình bày về công hạnh sau này là sâu xa bí mật khiến cho tin tưởng tiến vào.

Trong phần a nói là Thiện tri thức trước đây chỉ dạy ông đến đây,

vị ấy chỉ dạy không hư dối, vì sao dẫn đến nghi ngờ?

Hỏi: Thiện Tài lẽ nào không tự nhớ lại pháp trước đây, vì sao sinh lòng nghi ngờ?

Đáp: Bởi vì đối với nóng giận, nóng giận vốn là tướng làm hại chướng ngại cho đạo, lý cần phải nghi ngờ, mới có thể nhận biết rõ ràng hai hành sai biệt là trái với đạo-thuận với đạo trong đạo của Bồ-tát, nếu không như vậy thì Tà-Chánh không thể nào phân biệt được.

Trong Lương Luận ở phần Giới Học giải thích rất sâu xa rằng: “Bồ-tát nhờ vào Trí thù thắng của phương tiện như vậy, thực hành mười sự việc như sát sinh..., đã không có nhiễm trước sai lầm mà còn phát sinh vô lượng phước đức, nhanh chóng đạt được Bồ-đề Vô thượng, phải là Đại Bồ-tát mới có thể thực hành sự việc này. Điều này có hai loại: 1) Thật hạnh; 2) Biến hóa. Thật hạnh là nhận biết rõ ràng người trước mặt nhất định phải chuốc lấy những nghiệp Vô gián, không có phương tiện nào khác khiến cho lìa xa điều ác này, chỉ có thể đoạn dứt mạng sống để cho không làm điều ác. Lại nhận biết người này, nếu rời bỏ mạng sống rồi chắc chắn sinh vào đường thiện. Bồ-tát lại tự nghĩ: Mình gây ra nghiệp giết hại, chắc chắn rơi vào địa ngục mà nhận chịu khổ đau nơi ấy. Người ấy tuy hiện tại nhận chịu một chút khổ não, mà đời sau chắc chắn nhận được quả báo vui sướng.” Giải thích rằng: Điều này nói giống như trong phẩm Giới ở trong Du-già Bồ-tát Địa. “Biến hóa là như Na-la Vương và Đồng tử Thiện Tài, hoặc nhìn thấy sự việc đáng yêu, hoặc nhìn thấy sự việc đáng sợ, đều khiến cho chúng sinh sinh vào xứ thiện.” Giải thích rằng: Luận ấy trích dẫn kinh này là biến hóa làm ra, Na-la là tiếng Phạm, Trung Hoa nói là Mãn. Hoặc nhìn thấy sự việc đáng yêu là trích dẫn văn trước đây, đều là nhìn thấy Y-Chánh sinh ra ý niệm đáng yêu, sau là nhìn thấy phạm vào Vương pháp... sinh ra ý niệm đáng sợ, đều bởi vì lợi ích cho chúng sinh.

Trong phần b trình bày về những việc làm sâu xa bí mật của Bồ-tát: Đầu là hai câu về Trí khéo léo khó suy nghĩ; sau là năm câu về nghiệp dụng khó suy nghĩ, đó là trái với dấu tích mà thuận với công hạnh, không phải phần vị dưới có thể suy lường được. Sáu, Lễ lạy cung kính. Bảy, Trình bày thưa hỏi.

Trong phần bốn, Từ “Thời Mãn Túc Vương...” trở xuống là trình bày về trao cho pháp giới của mình, có hai: Một, Trao cho pháp phương tiện, đó là nắm tay dẫn đi vào..., thâm nhiếp gia hạnh ấy khiến cho hướng đến Chân Chứng. Hai, Từ “Thiện nam tử nữ quán...” trở xuống là chính thức nêu rõ pháp giới khiến cho Chứng tương ứng, trong đó có năm: a)

Nêu ra quả khiến cho tiến vào. b) Từ “Kiến ngã thử báo...” trở xuống là nêu ra nhân khiến cho tu tập, nói Pháp môn Huyền Hóa là đưa ra nhân đã tu, nghĩa là tương trái ngược không chân thật cho nên lấy làm tên gọi, bản văn Thiên Trúc gọi là Trú Huyền Tam-muội. c) Từ “Ngã thử...” trở xuống là nêu ra Huyền dụng. d) Từ “Đương tri...” trở xuống là phân rõ về Thật hành. e) Kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một câu đầu là tổng quát về mở rộng, nghĩa là phần vị thứ tám sau này vốn là Vô sinh nhân, cho nên mở rộng ở đây; chín câu sau là riêng biệt hiển bày về Huyền... rất sâu xa; một câu sau cuối là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ bảy là Vô Trước Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ tám là Tri thức Tôn Trọng Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Thiện Quang, nghĩa là nghiệp dụng làm lợi ích cho chúng sinh thuận theo lý là Quang; nhà vua tên gọi Đại Quang là ánh sáng của Định Đại Từ soi chiếu làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, thâm nhiếp giáo hóa tự tại cho nên lấy làm tên gọi.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến cầu tìm có ba, đó là cung kính từ tạ-nghĩ đến pháp trước đây-đến phần vị tiếp sau. Ngay trong phần nghĩ đến: Huân tu pháp trước đây khiến cho càng tăng thêm thù thắng, nghĩa là ví dụ nhận biết tất cả pháp huyền ở thế gian cùng hòa vào pháp giới.

Trong phần ba, Từ “Thiện Tài tác như thị niệm...” trở xuống là trình bày về gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có năm: Một, Khởi niệm thù thắng dấy lên ý tưởng chắc chắn nhìn thấy. Hai, Nhìn thấy Y báo thù thắng, có mười loại trang nghiêm: 1) Bảy lớp ao hồ quanh thành; 2) Bảy lớp tường ngăn quý báu; 3) Mười ức đường xá đi lại; 4) Tăng-kỳ dân chúng; 5) Tăng-kỳ lầu các quý báu; 6) Toàn là màn trướng quý báu; 7) Tầng lọng quý báu che phủ; 8) Dựng lên cột cao treo cờ; 9) Nhà vua ở lầu các riêng biệt; 10) Thiện Tài không hề đả nhiễu, nghĩa là nhận biết như huyền, vốn hướng đến cầu tìm Thiện hữu mà không có niệm gì khác. Ba, Nhìn thấy Chánh báo thù thắng đầy đủ tướng của bậc Đại nhân, dùng mười loại Dụ để ca ngợi về đức ấy, hai mươi tám là hiện rõ nhân vị vốn chưa đầy đủ. Bốn, Từ “Bỉ Vương điện tiền...” trở xuống là nhìn thấy chủ-bạn thâm nhiếp chúng sinh, trước là bố thí đồ vật tiền của, sau là thâm nhiếp chúng sinh. Mười môn sau phân rõ về ý bố thí, thiếu mất một câu. Năm, Lễ lạy cung kính trình bày thưa hỏi, có

thể biết.

Trong phần bốn, Trao cho pháp giới của mình, có năm: Một, Nêu ra pháp môn của mình, đó là Từ thù thắng phát ra lìa xa nhiễm viên mãn đầy đủ cho nên lấy làm tên gọi. Hai, Từ “Ngã ư...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp, đó là nghe pháp này từ nhiều Đức Phật; quán sát vốn là Tư tuệ, thanh tịnh vốn là tư duy trong sáng của mình, tu tập vốn là Tu tuệ, trang nghiêm vốn là Chứng đắc. Ba, Từ “Ngã trú thử...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn, trong đó có bốn: a) Dùng pháp để thâm nhiếp chúng sinh, nghĩa là trao cho pháp để đạt được lợi ích như Từ tâm...; b) Từ “Ngã dĩ như thị...” trở xuống là dùng tài vật làm lợi ích chúng sinh; c) Tùy theo hạnh nhìn thấy khác nhau; d) Từ “Vi ngã túc thế...” trở xuống là lựa chọn căn khí nhất định. Bốn, Từ “Thử thành chúng sinh...” trở xuống trong phần trình bày về công lực của Định Từ, có hai: a) Nói về Dụng của Định ấy; b) Từ “Thả đãi...” trở xuống là hưởng về hiện rõ Dụng ấy, trong đó trước là nhập Định-sau là hiển bày về Dụng, hữu tình và phi tình đều thành tựu lợi ích thù thắng. Năm, Kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần 5-Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Một câu tổng quát mở rộng về lợi ích sâu rộng của Từ; Hai, Bảy câu dựa theo Dự hiển bày về đức; Ba, Từ “Ngã đương vân hà...” trở xuống kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ tám là Tôn Trọng Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ chín là Tri thức Thiện Pháp Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần năm, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi An Trú là khế hợp với Thật pháp, không hủy hoại vì duyên, cho nên lấy làm tên gọi. Ưu-bà-di tên gọi Bất Động, là lúc mới phát tâm không bị phiền não và Nhị thừa làm cho lay động, nhân đó dùng làm tên gọi.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến cầu tìm, có sáu: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây mà tu tập tăng trưởng. Ba, Từ “Tác thị tư duy...” trở xuống là nhờ vào tư duy mà đạt được lợi ích. Bốn, Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là nghĩ đến công năng của Tri thức. Năm, Từ “Thiện Tài như thị Bi tâm...” trở xuống là nhờ vào nghĩ đến mà cảm được ca ngợi, vị trời đi theo Bồ-tát là Thần hạnh nghiệp của mình, Như Lai làm vị trời là Phật làm vị Thần thâm nhiếp chúng sinh; nhưng ở phần vị tu hạnh Bồ-tát trở đi, đều có hai vị trời thường đi theo người ấy, đã thấy Thiện Tài hết sức Bi thiết mà nhập Định, ở nơi Định hiện thân gia

hộ khen ngợi an ủi. Sáu-Xuất Định dần dần đi đến..., có thể biết.

Trong phần ba, Từ “Suy vấn...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có bốn: Một, Mở rộng thưa hỏi về chỗ nhận biết. Hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài hoan hỷ...” trở xuống là nhìn thấy Y báo đạt được lợi ích, nghĩa là ánh sáng tiếp xúc đạt được Định, bởi vì là cung điện của pháp môn, nhờ ánh sáng tiếp xúc với thân mà đạt được năm trăm Tam-muội. Ba, Từ “Tiền nghệ...” trở xuống là trong phần nhìn thấy Chánh báo đạt được lợi ích, có sáu: 1) Nhìn thấy thân tướng thù thắng; 2) Cung điện thù thắng; 3) Hương hoa trang nghiêm thù thắng; 4) Quyển thuộc thù thắng; 5) Lìa nhiễm thù thắng có hai câu, trước là điều phục-sau là đoạn trừ; 6) Nhắc lại nhìn thấy tổng quát ca ngợi, trong tụng: Nửa kệ trước tóm lược ca ngợi về ba hạnh, nửa kệ sau nêu ra Dự tổng quát hiển bày. Bốn, Từ “Kệ tán dĩ...” trở xuống là bày tỏ thưa hỏi, có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Nhĩ thời bỉ nữ...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có năm: Một, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là khen ngợi để trao cho pháp phương tiện. Hai, Từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là trao cho Thể của pháp môn. Ba, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là phân rõ về nhân duyên đạt được pháp. Bốn, Từ “Ngã nhập thử...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn. Năm, Từ “Ngã duy tri...” trở xuống kết luận về phạm vi của mình.

Ngay trong phần hai là trao cho Thể của pháp môn, pháp môn Vô Hoại là Đại hạnh đã tu mà không phải duyên có thể hủy hoại, cho nên lấy làm tên gọi. Đây là tổng quát nêu ra. Từ “Tu học...” trở xuống có bốn câu giải thích về thành tựu: a) Bởi vì Hạnh kiên cố, cho nên không hủy hoại; b) Bởi vì Trì khéo léo, nghĩa là Tổng trì xứng tánh; c) Bởi vì Chứng sâu xa, nghĩa là Chứng lý không hai; d) Bởi vì Định sâu xa, nghĩa là xa rời các quả báo mà trang nghiêm Tam-muội, cho nên gọi là pháp môn Vô Hoại.

Ngay trong phần ba là nhân duyên, có bốn: a) Thưa hỏi; b) Tóm lược giải đáp hiển bày về khó; c) Trở lại thưa thỉnh; d) Từ “Nhĩ thời Ưu-bà-di...” trở xuống là mở rộng giải đáp, trong đó có sáu: 1) Nêu ra xưa kia được thấy Phật là duyên phát tâm, nghĩa là trước thấy Phật-sau khởi niệm mong cầu; 2) Từ “Nhĩ bỉ Như Lai...” trở xuống là chỉ dạy phát khởi mười tâm khiến cho không hoại; 3) Từ “Ngã ư nhĩ thời...” trở xuống là nghe pháp phát tâm để mong cầu quả Phật; 4) Từ “Ngã phát thị tâm thời...” trở xuống là trình bày về tâm kiên cố lìa xa chướng; 5) Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về lợi ích thân nhiếp

về Lợi tha; 6) Từ “Ngã sơ phát tâm lai...” trở xuống là tổng quát kết luận về phần vị của hạnh Tự-Tha đầy đủ.

Ngay trong phần bốn là nghiệp dụng pháp môn, có bốn: a) Nêu ra pháp tổng quát nói cho biết; b) Thiện Tài mong muốn nhìn thấy; c) Nhập Định hiển bày rõ ràng, đó vốn là lực của Tam-muội, sáu loại chấn động thế giới, tám tướng Như Lai rộng khắp pháp giới; d) Xuất Định hợp với thuật lại, và kết luận về Tự phần, có thể biết.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, có ba: Một, Một câu tổng quát mở rộng; Hai, Từ “Như kim sí...” trở xuống là dựa theo Dụ khen ngợi về sâu xa; Ba, Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ chín là Thiện Pháp Hạnh, xong.

Trong phần vị thứ mười là Tri thức Chân Thật Hạnh, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đất nước tên gọi Bất Khả Xưng, bởi vì Sở quán huyền diệu; kinh thành tên gọi Tri Túc, bởi vì tất cả tướng là Bất-nhã; có Ngoại đạo xuất gia tên gọi Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh, là Trí khéo léo thuận theo căn cơ phương tiện trái với đạo, bản văn Thiên Trúc nói là ngoại đạo tên gọi Nhất Thiết Xứ Thường Hành.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến cầu tìm cũng có ba, đó là từ tạ-ngã đến và đến nơi.

Ngay trong phần nghĩ đến có mười câu: Đầu là một câu nghĩ đến người; tiếp là hai câu nghĩ đến pháp; tiếp là hai câu nghĩ đến phát tâm xưa kia...; tiếp là bốn câu nghĩ đến Hạnh kiên cố và nêu ra nghiệp dụng của Hạnh ấy; sau cuối là một câu nghĩ đến những pháp tu tập ấy..., là nghĩ đến tu Định soi chiếu lý ấy.

Trong phần dần dần đến nơi, mặt trời lặn đi vào thành là biểu thị cho phần vị của Hạnh đến cuối cùng.

Trong phần ba, Từ “Châu biến...” trở xuống là trình bày về gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, trong đó có bốn: Một, Suy xét tìm tòi. Hai, Từ “U trung dạ thời...” là nhìn thấy Y báo ấy, nghĩa là biểu thị cho ánh sáng của pháp đã dựa vào phá tan bóng tối của hai phía. Ba, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo ấy, trời sáng là chứng ngại không còn mà phần vị hiển bày; leo lên núi là đạt được phần vị tương ưng; từ xa nhìn thấy ngoại đạo là chứng pháp giới thuộc con người; một vạn Phạm chí..., là chủ-bạn đầy đủ. Bốn, Lễ lạy cung kính bày tỏ thưa hỏi, có thể biết.

Phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có bốn: Một, Khen ngợi phát tâm; Hai, Từ “Ngã dĩ an trú...” trở xuống là nêu ra đức thuộc Thể pháp môn của mình; Ba, Từ “Dĩ bình đẳng...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn; Bốn, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần một: Đến tất cả mọi nơi, là trình bày vốn đầy đủ Thập Hạnh. Trí độ thứ mười vốn nhận biết rộng khắp, có hai nghĩa: a) Dựa vào Định phát Trí soi chiếu khắp nơi pháp giới; b) Dựa vào Định phát Thông đến khắp tất cả mọi nơi, hai câu sau giải thích về hai nghĩa này, như thứ tự nên biết.

Trong phần ba là nghiệp dụng cũng có hai: a) Trình bày về Dụng của Trí quán sát khắp nơi; b) Dụng của Thông vô tác.

Trong phần a có ba: Một là nêu ra ánh sáng của Tuệ bình đẳng; hai từ “Quán sát...” trở xuống là soi chiếu căn cơ sai biệt; ba từ “Dĩ diệu trí...” trở xuống là thuyết pháp làm lợi ích tất cả.

Trong phần b từ “Phục thứ...” trở xuống là Dụng của Thông vô tác, có hai: Một là căn cơ không thể nào suy lường; hai là tương tự hiển bày về mười phương. Đủ loại Trí là ý nghiệp, sắc chất-cảnh tượng và âm thanh là thân-ngữ. Cũng lại như vậy, điều này có hai nghĩa: 1) Trình bày về sắc chất-cảnh tượng do Thân tức vô tác ấy mà hiện rõ, cũng như Dụng của Trí khéo léo rộng khắp mười phương, cho nên nói là cũng lại như vậy. 2) Bởi vì kinh thành Tri Túc này tương tự Diêm-phù, bởi vì Diêm-phù tương tự Tam thiên thế giới, bởi vì Tam thiên thế giới tương tự mười phương thế giới, cho nên nói là cũng lại như vậy. Đây là cùng kết luận về Trí-Thông có đủ ba nghiệp.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, có mười câu: Đầu là một câu về thân như số chúng sinh, hiển bày về Thân tức đến tất cả mọi nơi vượt quá mình; tiếp là một câu về vượt quá Định đã dựa vào; tiếp là hai câu về vượt quá Thông đã phát khởi; những câu còn lại là vượt quá Trí đã phát khởi. Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ mười là Chân Thật Hạnh, xong.

Từ đây trở xuống trình bày về Thiện tri thức thuộc phần vị Thập Hội Hương có mười người, mỗi người là một phần vị.

Đầu tiên là đất nước Cam Lô Vị..., trình bày về phần vị thứ nhất là Cửu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tương Hội Hương, trong đó cũng có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Cam lô vị là ý

vị thù thắng khéo léo cứu giúp chúng sinh. Trưởng giả giống như trước; đức tướng thanh tịnh thù thắng gọi là Thanh Liên, khéo léo nhận biết các mùi hương cho nên lại gọi là Hương, từ Tướng và Trí gọi là Thanh Liên Hoa Hương.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hương đến cầu tìm, có bốn: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui. Hai, Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là khởi lên ý thích mong muốn thù thắng dục lạc, trong đó có hai: a) Không đắm nhiễm đối với thế gian; b) Từ “Thường lạc...” trở xuống là chuyên tâm mong mỏi Đại hạnh. Ba, Từ “Chuyên cầu thử đẳng...” trở xuống là kết luận về ý thích ấy. Bốn, Dần dần đi qua... là trình bày về đi đến phần vị tiếp sau.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có ba: Một, Lễ lạy cung kính. Hai, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là ý bày tỏ, có mười câu: Năm câu đầu là trên thì mong cầu đức thuộc quả, năm câu sau là mong mỏi thành tựu hạnh thuộc nhân. Ba, Từ “Nhi vị tri...” trở xuống là thưa hỏi những điều quan trọng.

Trong phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có hai: Một, Khen ngợi phát tâm. Hai, Chính thức trao cho pháp giới, trong đó: Trước là nêu rõ pháp môn đã nhận biết, sau là kết luận về tên gọi.

Trong phần trước có ba: a) Nêu ra Thể của hương đã nhận biết có ba mươi loại, trong đó: Một là nhận biết về hương huân tập thuộc Y-Chánh thế gian; hai từ “Trừ diệt phiền não...” trở xuống là nhận biết về hương huân tập thuộc Chánh hạnh xuất thế gian, Bồ-tát từ đây làm lợi ích nhiều cho chúng sinh. b) Từ “Bỉ hương sinh khởi...” trở xuống là trình bày nhận biết về nghĩa thuộc hương pháp, có mười loại: 1) Nhận biết về nhân đã khởi lên; 2) Nhận biết nơi đến của mùi hương; 3) Nhận biết đến rồi thành tựu lợi ích; 4) Việc đã làm viên mãn; 5) Có thể khiến cho vui thích thanh tịnh; 6) Khiến cho lìa xa phiền não được yên ổn; 7) Phương tiện khéo léo tiến vào pháp; 8) Phạm vi giới hạn đã nhận biết; 9) Hạnh nghiệp đã dấy lên; 10) Cứu cánh đến nguồn cội. c) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là nhận biết nghiệp dụng của hương, sơ lược nêu ra mười loại: Trong loại đầu dùng mười nghĩa để nhận biết. Long đầu sinh là nhận biết sinh khởi. Mây sáng ngời che phủ đất nước Cam Lộ Vị là nhận biết những việc làm. Rưới xuống nước thơm ngát là nhận biết thành tựu. Cảm được thân sắc vàng là nhận biết đầy đủ. Ngửi mùi hương vui thích là nhận biết thanh tịnh. Diệt trừ tất cả các bệnh là nhận biết yên ổn. Chuyên tâm hương về... là phương tiện. Tôi biết những loại

ấy là cảnh giới. Để thuyết pháp là hạnh nghiệp. Khiến cho phát tâm không lui sụt là căn bản. Chín loại như hương Ngưu Đầu..., tất cả đều có mười nghĩa. Trong văn giữ lại tóm lược, hoặc là hai, hoặc là ba... dựa theo đây. Tiên-đà-bà, Trung Hoa nói là tên gọi Thạch Diêm.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Trước là nêu ra những điều mở rộng, trong đó: Một, Là xa chướng; Hai, Từ “Trí tuệ...” trở xuống là thành tựu xuất thế; Ba, Hương của phần vị Học. Sau từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ nhất là Cửu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hội Hương, xong.

Trong phần vị thứ hai là Tri thức Bất Hoại Hội Hương, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Lô Cúc, là hình dáng của Đại Bi dựa vào Trí thù thắng phát ra; Hải Sư Tự Tại, là đối với biển Phật pháp và biển sinh tử có thể khéo léo thông đạt và vận dụng vượt qua, cho nên lấy làm tên gọi. Chỉ dạy thưa hỏi, có thể biết.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có ba: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui. Hai, Ở đường đi khởi lên ý niệm thù thắng, trong đó: a) Quán sát về pháp chân chánh; b) Từ “Phục tác...” trở xuống là nghĩ đến pháp do người khởi tâm mong cầu, trước là tổng quát nghĩ đến, sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về thành tựu. Ba, Từ “Tác thị niệm...” trở xuống là đến nơi ấy suy xét tìm tòi.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có ba: Một, Nhìn thấy ở nơi ấy, nghĩa là bờ biển..., là nơi thuyết về pháp đã thực hiện; Hai, Lễ lạy cung kính; Ba, Bày tỏ thưa hỏi, đều có thể biết.

Phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có hai: Một, Khen ngợi phát tâm có thể thưa hỏi; Hai, Từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là nêu ra pháp trao cho.

Trong phần một có ba: a) Khen ngợi thưa hỏi về Thể của hành; b) Từ “Đãi đắc...” trở xuống là trình bày về Dụng của hành; c) Từ “Tát-bà-nhã...” trở xuống là trình bày về hành đạt được quả.

Trong phần hai là trao cho pháp, cũng có ba: a) Nêu ra Thể của tên gọi; b) Từ “Tại thử...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng; c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi giới hạn của mình.

Trong phần a: Hạnh thanh tịnh là cột cao của Đại Bi, dùng Đại Bi thù thắng ở giữa biển sinh tử nâng cao chúng sinh lên, gọi là hạnh thanh tịnh.

Trong phần b là nghiệp dụng có hai: Một là ở trong kinh thành này nhờ vào khổ hạnh để hóa độ chúng sinh; hai từ “Ngã tri hải trung...” trở xuống là khéo léo nhận biết về tướng của biển, vì vậy đi vào biển hóa độ chúng sinh.

Trong mục một có ba: 1) Trao cho pháp phương tiện; 2) Từ “Quảng vị thuyết...” trở xuống là chính thức trình bày về trao cho pháp; 3) Từ “Ngã trú...” trở xuống là kết luận.

Ngay trong mục hai là trao cho pháp: Khởi lên thiện vốn có mà phát tâm Bồ-đề, đây là tổng quát, ba tâm sau là riêng biệt. Luận Khởi Tín nói: “Phát tâm Bồ-đề là phát ba loại tâm: Một là Tâm thẳng thắn, bởi vì chánh niệm về pháp của chân tâm; hai là Tâm sâu xa, bởi vì vui thích tu tập tất cả các thiện hạnh; ba là Tâm Đại Bi, bởi vì cứu giúp tất cả chúng sinh đau khổ.” Từ “Trừ sinh tử...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của ba tâm: Một là Tâm thẳng thắn lìa xa đau khổ; hai từ “Nhiếp thủ...” trở xuống là tâm Bi thâm nhiếp chúng sinh; ba từ “Đắc nhất thiết...” trở xuống là tâm sâu xa đạt được pháp. Sau là kết luận về lợi ích cho chúng sinh trong kinh thành.

Trong mục hai là nhận biết về biển lợi ích cho chúng sinh có hai: 1) Trình bày Trí nhận biết về biển; 2) Từ “Ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là chính thức hiển bày về lợi ích cho chúng sinh.

Trong mục một: Đầu là mười câu nhận biết về vật báu; tiếp là nhận biết về tai họa như Long cung..., thân to lớn phải là Tu-la, bởi vì bốn vị Tu-la đều ở dưới biển; tiếp là nhận biết mùa gió theo màu sắc của nước...

Trong mục hai là chính thức lợi ích cho chúng sinh: Thành tựu Trí như vậy, là nhắc lại những điều đã giải thích trước đây; liền làm vị Đạo Sư đi vào biển, là nói về pháp của biển để hóa độ chúng sinh, cho nên nói là vì lợi ích cho chúng sinh mà đi vào biển... Từ “Tất linh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của lợi ích, có mười pháp hải: Bốn loại đầu là biển thuộc Tự lợi, sáu loại sau là biển thuộc Lợi tha. Sau là trong kết luận có hai: a) Kết luận về Dụng của lợi ích không hư dối; b) Kết luận chỉ có một pháp.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, có hai: Trước là nêu ra điều đã mở rộng: Một, Mở rộng về biển của Tự hành; Hai, Từ “Dĩ thiện phương tiện...” trở xuống là mở rộng về biển của Lợi tha. Sau từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ hai là Bất Hoại Hồi Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ ba là Tri thức Đẳng Chư Phật Hồi Hương, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Khả Lạc, là bởi vì cảnh giới giống như cõi Phật, đáng mong ước vui thích. Trưởng giả tên gọi Vô Thượng Thắng, bởi vì đạt được thần thông thù thắng, lại không gì hơn nữa, cho nên lấy làm tên gọi.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có ba: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ rút lui; Hai, Ở đường đi nghĩ đến pháp; Ba, Đến phần vị tiếp sau suy xét tìm tòi.

Trong phần nghĩ đến pháp: a, Tăng thêm rộng rãi về Tự phần; b, Từ “Tu tập...” trở xuống là tu về tám hạnh Thắng tiến.

Trong phần ba, Từ “Thành Đông...” trở xuống là trình bày về gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có ba: Một, Trình bày về Y báo ở nơi ấy, khu rừng phía Đông của kinh thành..., là thuận tiện dừng lại ở kinh thành để thâm nhiếp giáo hóa; thuyết pháp ở nơi ấy, là chính thức trình bày về tướng thâm nhiếp giáo hóa. Hai, Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là nhìn thấy rồi lễ lạy cung kính. Ba, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trong phần bày tỏ thưa hỏi, trước rạp lạy sát đất rất lâu là dùng thân để bày tỏ tâm, trở lại xưng tên gọi của mình là dùng lời nói để bày tỏ tâm, hiển bày vô cùng sâu nặng. Lại hiển bày mình là căn khí tu hành mong mỗi được nghe thuyết về pháp ấy.

Trong phần bốn, Nêu rõ pháp giới của mình, có hai: Một, Khen ngợi phát tâm mà trao cho pháp phương tiện. Hai, Từ “Ngã thành tự...” trở xuống là chính thức trao cho pháp của mình, trong đó có ba: a) Nêu ra tên gọi tổng quát hiện rõ; b) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là giải thích về nghĩa dụng của pháp; c) Từ “Ngã duy...” trở xuống kết luận là pháp thuộc về người.

Trong phần một: Thần lực đến khắp nơi tất cả chúng sinh gọi là đến tất cả mọi nơi, trong đó thuyết pháp lợi ích cho chúng sinh gọi là hạnh thanh tịnh trang nghiêm. Từ đây đi đến tất cả mọi nơi, không nhờ vào công dụng, tùy ý vận dụng đến khắp mọi nơi, cho nên nói là Vô y-Vô tác; không phải Lực trì từ nơi khác cho nên nói là Vô y, không phải Gia hạnh của mình cho nên nói là Vô tác. Đây là xứng với pháp tánh mà rộng khắp tất cả.

Trong phần hai là giải thích: Trước nêu ra thưa hỏi, sau chính thức giải thích. Trong chính thức giải thích: Một là đến tất cả mọi nơi trong Tam thiên thế giới này, thuyết pháp lợi ích cho chúng sinh, thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm; các loại luận là Ngũ Minh... Hai từ “Như

thử...” trở xuống là đến tất cả mọi nơi khắp thế giới mười phương, thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm. Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi giới hạn của mình.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Trình bày về thân nghiệp rộng khắp, nghĩa là thân giống như quốc độ không cần đến thần lực, vì thế cho nên vượt quá trước đây, là điều đã mở rộng. Hai, Từ “Đãi đắc...” trở xuống là trình bày về ngữ nghiệp. Ba, Từ “Phân biệt...” trở xuống là trình bày về ý nghiệp. Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải sự nhận biết của mình. Phần vị thứ ba là Đẳng Chư Phật Hồi Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ tư là Tri thức Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hưởng, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập, cũng có ba: Một, Chỉ ra nơi chốn; Hai, Nêu ra con người; Ba, Chỉ dạy thưa hỏi. Đất nước tên gọi Nan Nhẫn, là biểu thị có thể chứng được pháp khó chứng. Ca-lăng-ca, Trung Hoa nói là Đấu Tranh Thời. Bà-đề, chính xác nói là Bà-na, Trung Hoa nói là Lâm, nghĩa là Bồ-tát ấy ở trong rừng này thuyết pháp phá trừ chướng ngại, cho nên nói là đấu tranh. Đấu tranh hiển bày về lý cũng gọi là Nan Nhẫn. Tỳ-kheo Ni là hiển bày về Từ Bi Tịnh Tuệ, tên gọi Sư Tử Phấn Tấn là Tịnh Tuệ vô úy quyết định thuyết pháp.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có ba: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ ra đi; Hai, Đến phần vị tiếp sau suy xét tìm tòi; Ba, Chỉ ra ở nơi ấy. Theo trong Luật thì Ni đầu-đà đều ở trong vườn của nhà vua, bởi vì nhờ vào bên ngoài bảo vệ mới có thể tăng thêm đạo.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, trong đó cũng có ba: Một, Nhìn thấy; Hai, Cung kính; Ba, Thưa hỏi.

Trong phần một là nhìn thấy, cũng có ba: a) Nhìn thấy Y báo; b) Nhìn thấy Chánh báo; c) Tổng quát kết luận về vô cùng kỳ lạ.

Trong phần a là Y báo Tịnh độ, sơ lược hiển bày sáu nghĩa: 1) Nhìn thấy cây lớn trang nghiêm, sơ lược nêu ra tám loại. 2) Từ “Phục kiến bỉ viên tuyên lưu...” trở xuống là hồ báu trang nghiêm, nước tám công đức: Một, Nhẹ nhàng; Hai, Mát lạnh; Ba, Mềm mại; Bốn, Ngọt ngào; Năm, Trong suốt; Sáu, Không hôi; Bảy-Lúc uống điều hòa như ý; Tám, Uống rồi không còn bệnh hoạn. 3) Từ “Nhất nhất thọ hạ...” trở xuống là trải tòa ngồi trang nghiêm. 4) Từ “Vô lượng trang nghiêm...” trở xuống là trình bày nhiều loại trang nghiêm. 5) Từ “Thiện Tài kiến...” trở xuống là đưa ra nguyên nhân về điều ấy, nghĩa là đều từ thiện căn

xuất thế và Trí như huyễn này mà thành tựu. 6) Từ “Tam thiên...” trở xuống là trình bày về Dụng tự tại của quả không có gì chướng ngại.

Trong phần b là nhìn thấy Chánh báo, có hai: 1) Nhìn thấy ngôi khắp nơi các tòa ngôi, đức thù thắng hiển bày rõ ràng, trong đó: Trước là ngôi khắp nơi; sau là dựa theo mười Dụ để hiển bày về đức. Bà-lâu-na, Trung Hoa gọi là Thủy, đúng ra là Thủy Thiên, bởi vì Phật nhìn thấy rồi thành tựu lợi ích. 2) Từ “Kiến xứ nhất tòa...” trở xuống là trình bày nhìn thấy ngôi khắp mọi nơi thuyết giảng rộng về pháp quan trọng, trong đó có năm: Một, Thuyết pháp cho chúng Bát Bộ; Hai, Từ “Lạc thanh văn...” trở xuống là thuyết pháp cho Nhị thừa; Ba, Từ “Vị lạc Đại thừa giả...” trở xuống là thuyết pháp cho Bồ-tát; Bốn, Từ “Kiến xứ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích giáo hóa; Năm, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên nhân của điều ấy.

Mục một là thuyết pháp cho chúng Bát Bộ: Vì trời Tịnh Cư thuyết về Vô tận, trời ấy thanh tịnh nhất trong các hình thể, Vô thường có mất đi, mà thuyết về tánh Vô tận của xuất thế. Vì trời Phạm mà thuyết về âm thanh tuyệt diệu khắp nơi, trời ấy ở trong thế gian tự cho rằng âm thanh hay nhất, mà thuyết về âm thanh tuyệt diệu thù thắng lưu truyền khắp nơi pháp giới. Vì trời Tha Hóa vượt qua trời Thế Tự Tại mà thuyết về Bồ-tát tự tại. Vì trời Hóa Lạc mà thuyết về pháp hành thanh tịnh có đủ đức trang nghiêm. Vì trời Đâu-suất mà thuyết về tâm tạng trở lại rất nhanh, là thuyết về Đại Hối Hưởng không thối chuyển. Vì trời Dạ-ma vượt qua sự trang nghiêm có hạn lượng ấy, mà thuyết về sự trang nghiêm không có hạn lượng. Vì trời Đế Thích mà thuyết pháp khiến cho chán ngán lia xa năm dục. Vì Long Vương mà thuyết về phương tiện cứu hộ chúng sinh, là phương tiện rưới mưa mà cứu giúp chúng sinh. Lại dùng pháp cứu giúp nỗi khổ của loài rồng-chim cánh vàng. Đề Đầu..., là cùng chọn lấy ba Thiên Vương khác, mà thuyết về pháp hành vô tận. Vì loài Ma-hầu mà thuyết về Lý-Trí khéo léo trang nghiêm. Vì loài Ca-lâu mà thuyết về pháp rời bỏ Đại lực trong biển thế gian, khiến cho ở trong biển sinh tử dùng lực Bi-Trí làm cho không sợ hãi. Vì loài Khẩn-na mà thuyết về ánh sáng trí tuệ thuộc Chánh hạnh của Phật, khiến cho phá tan đắm theo niềm vui. Vì loài Ma-hầu thuyết về pháp Hỷ của Phật, bởi vì tánh của loài rắn nhiều sân giận, nghe đến Phật thì hoan hỷ. Vì loài người mà thuyết về nẻo thù thắng xuất thế. Vì loài La-sát mà thuyết về Từ Bi, không để cho đoạt lấy mạng sống.

Trong mục hai là Nhị thừa: Đầu vì người vui với Thanh văn mà thuyết về ánh sáng trí tuệ thù thắng, khiến cho rời bỏ trí tuệ Tiểu thừa

vui thích ánh sáng trí tuệ Đại thừa; sau vì người vui với Duyên giác mà thuyết giảng khiến cho rời bỏ yếu kém, vui thích công đức thù thắng của Phật.

Trong mục ba trình bày vì người Đại thừa: Trước là vì Địa tiên mà thuyết về ánh sáng của Định-Tuệ; tiếp là vì Địa thượng phát tâm thuộc Địa thứ nhất mà thuyết về mười Đại nguyện, chín Địa còn lại có thể biết. Vì Lực sĩ Kim Cang mà thuyết về Trí tuệ Kim Cang, đây là sau đầy đủ Thập Địa thuyết về Trí thuộc Định Kim Cang Dự, phá tan những đám trước vi tế. Tỳ-kheo Ni này đã thuyết pháp cho Bồ-tát Địa thứ mười..., rõ ràng không phải là người Tiểu thừa, bởi vì dựa vào phần vị cho nên thuộc về phần vị Hồi Hưởng.

Mục bốn từ “Kiến như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích giáo hóa.

Trong mục năm từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên nhân, bởi vì Tỳ-kheo Ni này thành tựu trong trăm vạn..., sơ lược nêu ra mười môn Bát-nhã, tức là những pháp môn đã thuyết giảng trước đây.

Trong phần c từ “Thiện Tài kiến...” trở xuống là tổng quát kết luận về thấy-nghe vô cùng kỳ lạ, có thể biết.

Trong phần hai từ “Ngũ Thể...” trở xuống là trình bày về lễ lạy cung kính, bởi vì căn duyên phù hợp với nhau, tự thấy mình ở khắp nơi trú xứ của Tỳ-kheo Ni, cùng nhau đều đi vòng về phía phải..., bởi vì đã tiến vào nơi ấy. Lại cũng chính là đến tất cả mọi nơi mà hồi hướng tùy tâm tự tại.

Phần ba từ “Bạch ngôn...” trở xuống là bày tỏ thưa hỏi, có thể biết.

Phần bốn, Từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là chính thức nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có bốn: Một, Nêu ra tên gọi; Hai, Hiện bày về Thể; Ba, Phân rõ về Dụng; Bốn, Kết luận về phần vị.

Trong phần một, Bồ-tát tận cùng Nhất-thiết-trí, có ba nghĩa: a) Phần vị ở Bồ-tát đạt được trăm vạn Tăng-kỳ của Dụng thuộc Trí Bát-nhã, tận cùng nguồn cội Nhất-thiết-trí của Phật, nói như văn trước đây, thậm chí thuyết pháp cho Bồ-tát Địa Đẳng Giác, không phải Địa dưới có năng lực như vậy mà đạt được pháp này. b) Ánh sáng trí tuệ nhanh chóng soi chiếu ba đời, tận cùng cảnh giới của Chủng trí, cho nên lấy làm tên gọi. c) Phát khởi cúng dường tận cùng nguồn cội là Trí thuộc tám tướng của Phật, cho nên có được tên gọi này.

Trong phần hai từ “Đại Thánh...” trở xuống là trình bày về Thể của pháp, trong đó trước là hỏi-sau là đáp. Ánh sáng trí tuệ..., là trình

bày về Bát-nhã đầy đủ đức; ở trong một niệm là nhanh chóng soi chiếu; soi chiếu tất cả ba đời là soi chiếu rộng rãi. Vì vậy dùng Trí rộng rãi đầy đủ đức làm Thể tánh của pháp.

Trong phần ba từ “Đại Thánh...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, cũng trước là hỏi-sau là đáp. Trong đáp: Trước là phân rõ về chỗ dựa của nghiệp dụng, nghĩa là ở phần trước về Dụng của cảnh thuộc pháp môn này có Tam-muội Pháp Lâm này, nay tiến vào Định này đã hiện rõ nghiệp dụng ấy. Sau là trong phần chính thức hiển bày về nghiệp dụng, có ba: a) Trên là cúng dường tám tướng của chư Phật; b) Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống trình bày dưới là cứu giúp chúng sinh; c) Từ “Ngã bất khởi...” trở xuống là xa rời hai tướng hiển bày về nghiệp dụng không còn suy nghĩ.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, trong đó có mười sự-năm cặp: Một, Cùng tận pháp mà không đắm trước; Hai, Dựa theo thân bên ngoài rộng khắp mọi nơi mà bên trong bao hàm đầy đủ; Ba, Bên ngoài nhanh chóng đi đến mà bên trong hàm chứa năng lực; Bốn, Bên ngoài có khắp tất cả mà bên trong chứa đựng rộng rãi; Năm, Một niệm mở rộng thâm nhiếp chúng sinh mà sau thâm nhiếp nhiều kiếp, thì biết trong mỗi một niệm thâm nhiếp chúng sinh vô tận. Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ tư là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương, xong.

Trong phần vị thứ năm là Tri thức Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hương.

Trong phần năm, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập cũng có ba, đó là tướng tham trái với đạo mang lấy tên gọi Hiểm Nạn; bên trong đầy đủ Thật hạnh gọi là Bảo Trang Nghiêm; Bà-tu-mật-đa, Trung Hoa nói là Thế Hữu, cũng gọi là Thiên Hữu, bởi vì khéo léo có thể dẫn dắt thâm nhiếp các thế gian.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào cũng có ba, đó là cung kính từ tạ-nghi đến pháp và đi đến phần vị tiếp sau.

Ngay trong phần nghi đến pháp: Một, Nhờ vào Tuệ của Tỳ-kheo Ni trước đây soi chiếu tâm mình mà khiến cho nuôi lớn Phật trí; Hai, Từ “Nhất tâm...” trở xuống là nhờ vào tư duy nghĩ đến pháp trước đây lại càng tăng thêm Bi-Trí-Nguyện-Hạnh.

Ngay trong phần đi đến phần vị sau suy xét tìm tòi, có bốn: Một, Mở rộng thưa hỏi về thù thắng; Hai, Bởi vì trí cạn cợt mà nghi ngờ quá

lạ; Ba, Bởi vì trí sâu xa mà ca ngợi tốt lành; Bốn, Chỉ ra ở nơi ấy.

Hỏi: Vì sao trước đây nêu ra Sân và Tà kiến, Thiện Tài tự mình nghi ngờ, nay hiện rõ tướng tham mà làm cho người khác nghi ngờ?

Đáp: Bởi vì hai phần vị trước đây vốn tự mình chướng ngại đến đạo Bồ-tát, tham ái thuận theo Bi vốn chướng ngại đến hạnh yếu kém, vì vậy kinh Quyết Định Tỳ Ni nói: “Bồ-tát thà rằng khởi lên trăm ngàn tâm tham chứ không khởi lên một niệm sân...” Lại giải thích: Thiện Tài đối với Sân và Tà kiến trước đây đã làm cho điều phục, vì vậy ở đây lại không dám nghi ngờ.

Trong phần chỉ ra ở trong cung sâu xa, dựa vào kinh Tam Pháp Độ nói: Đất nước là cảnh Trí tuệ, kinh thành là cảnh Thần thông, cung điện là cảnh Thuyết pháp. Nay người nữ này Chánh Chứng về Dục Như, cho nên ở trong cung sâu xa, đi đến cửa là phần vị gia hạnh cuối cùng đến Tam-muội môn của Chánh Chứng.

Trong phần ba, Từ “Thiện Tài văn...” trở xuống là trình bày gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi có ba, đó là nhìn thấy-cung kính và thưa hỏi.

Ngay trong phần nhìn thấy có hai: Trước là nhìn thấy Y báo, sau là nhìn thấy Chánh báo. Trong phần trước là nhìn thấy Y báo, xưa Giải thích rằng: “Mười lớp tường ngăn quý báu là phần vị Thập Địa, mười hàng cây là mười Độ hạnh, mười lớp hào là Giới hạnh trong Thập Địa, nước tám công đức là nước tám Định đầy tràn, lâu các trái đầy hoa giác là sau đạt được Thể của Y-Chánh mà trở lại thành tự.” Trong phần sau là nhìn thấy Chánh báo, có hai: Một, Nhìn thấy tướng thù thắng của ba nghiệp; Hai, Từ “Đại chúng...” trở xuống là hiển bày về quyền thuộc thù thắng. Lễ lạy cung kính bày tỏ thưa hỏi, có thể biết.

Phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có bốn: Một, Nêu ra tên gọi hiển bày về Thể; Hai, Từ “Nhược thiên kiến...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng ấy; Ba, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp; Bốn, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần một: Pháp môn Ly dục thật tế thanh tịnh, có hai nghĩa: a) Dựa theo Tự hành, tuy Bi nguyện giữ lại phiền não mà thị hiện nơi chốn của Dục, nhưng Đại trí soi chiếu Dục thì Thể tánh trống rỗng gọi là Thật tế thanh tịnh, như Tịnh Danh ở trong Dục mà thực hành Thiền định... Lại trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Tham dục tức là đạo, nóng giận-ngu si cũng lại như vậy.” b) Dựa theo Lợi sinh, nghĩa là tuy giữ lại phiền não mà thị hiện ở trong Dục, khiến cho chúng sinh ở nơi

Dục cần phải lìa xa Dục, đạt được pháp Thật tế thanh tịnh này, như người nữ Yếm-đề-giá...

Trong phần hai trình bày về nghiệp dụng, có hai: a) Thân cùng chung căn khí hiện rõ; b) Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là dùng pháp làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó có mười loại Tam-muội, đều là dùng Dục để giáo hóa chúng sinh ở nơi Dục, khiến cho đạt được Tam-muội rất sâu xa như vậy. A-lê-nghi, Trung Hoa nói là Bảo Nại Ma Xúc, vốn là tướng thuộc về nhiếp thọ, đạt được Tam-muội ấy. A-chúng-tỳ, Trung Hoa nói là Minh Khẩu, đạt được Định thuộc về ngôn giáo mật tạng. Từ “Như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận, đều là những công hạnh của Đại Bồ-tát ở phần vị cuối cùng, không phải phần vị dưới mà biết được, như nói trong phần Định Học của Nhiếp Luận.

Trong phần ba trình bày về nhân duyên đạt được pháp, có hai: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong đáp: Trước là đáp về gieo trồng thiện căn ở nơi nào; sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là đáp về tu tập những nghiệp gì, đều có thể biết.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về mình chỉ biết một phương tiện này.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến: Các Đại Bồ-tát có vô lượng phương tiện rộng lớn, tôi lẽ nào có thể nhận biết. Phần vị thứ năm là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ sáu là Tri thức Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hưởng.

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Thủ-bà Bà-la, Trung Hoa nói là Thiện Diệu Đáo Bỉ Ngạn. An trú, nghĩa là đạt được Pháp thân của Phật, thường trú mà cúng dường. Lại dựa theo bản văn Thiên Trúc nên gọi là Nhiếp trì, hoặc gọi là Chấp trì, bởi vì thâm nhiếp tiến vào, thâm nhiếp chọn lấy các pháp thiện. Thường cúng dường tháp, là bởi vì ở nơi tháp thường được thấy Pháp thân.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, lược qua không có nghĩ đến pháp.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, lược qua không có gặp gỡ-cung kính, cho nên nói là cho đến.

Trong phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, có bốn: Một, Nêu ra tên gọi; Hai, Phân rõ về Thể; Ba, Nghiệp dụng; Bốn, Kết luận về đức.

Trong phần một: Thân của chư Phật thường trú gọi là không diệt

độ, nhân vị soi chiếu thông suốt gọi là pháp môn Bồ-tát.

Trong phần hai từ “Trú thử...” trở xuống là hiển bày về Thể trạng, có hai: a) Nhìn thấy thân công đức của Phật thường trú, trừ ra giáo hóa chúng sinh, là chỉ sự biến dị của tâm người khiến cho nhìn thấy sinh ra và chết đi, thật ra thì thân thường trú không có sinh ra-không có diệt đi. Lại vắng trắng Phật thường trú, nhưng mặt nước tâm chúng sinh có hình ảnh hiện ra và mất đi. b) Từ “Khai tháp hộ...” trở xuống là nhìn thấy Pháp thân thường trú của Phật, bởi vì nhìn thấy Thể tánh của Phật vốn không có giới hạn cuối cùng, bởi vì mở tháp là mở ra Sự tướng ấy, đạt được Định là nhìn thấy Lý tánh, đạt được Diệu pháp là đạt được hằng sa pháp công đức trong Lý.

Trong phần ba từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong đáp có hai: a) Nhìn thấy chư Phật ba đời ở cõi này; b) Tương tự kết luận về mười phương. Trong mục a: Một là nhìn thấy sự việc như nhân quả... của Phật quá khứ, hai là tương tự vị lai-hiện tại.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Trưởng giả tuy nhận biết chư Phật ba đời không diệt, nhưng chưa thể nào dùng một niệm có thể nhận biết cùng với ba đời đã nhận biết để bình đẳng không hai. Hai, Chưa thể nào ngay nơi Trí có thể nhận biết để trú vào phần vị Phật đã nhận biết. Ba, Nhận biết tất cả kiếp trước sau nhưng không thể nào nhận biết không có tướng về kiếp. Bốn, Tuy nhìn thấy Phật không diệt nhưng không thể nào nhận biết về nghĩa bình đẳng Đức Phật này tức là Đức Phật kia. Năm, Từ “Như Lai...” trở xuống là cũng không thể nào dùng nhiễm-tịnh năng-sở để bình đẳng không hai, đó là tâm-Phật và chúng sinh là ba pháp không sai biệt. Sáu, Từ “Tịnh trang nghiêm...” trở xuống tuy soi chiếu ba đời mà không thể nào là Trí thâm nhiếp Đức. Bảy, Từ “Thành tựu...” trở xuống tuy nhận biết về Phật mà chưa thể nào giống như oai nghi của Phật. Tám, Từ “Phân biệt...” trở xuống là không thể nào tự tại đối với pháp. Từ “Ngã đương...” trở xuống là tổng quát kết luận về mình không thể nào kiên cố. Phần vị thứ sáu là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hội Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ bảy là Tri thức Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sinh Hội Hưởng.

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Núi Quang

Minh là cây cối hoa lá ở núi ấy thường có ánh sáng, biểu thị cho Phổ Môn thị hiện trong ánh sáng của Đại Bi. Núi này ở phía Nam thuộc Nam Ấn Độ, bản văn Thiên Trúc gọi là núi Bô-đa-la, Trung Hoa không có phiên âm chính xác, theo nghĩa dịch ra gọi là núi Tiểu Thọ Man Trang Nghiêm. Lại kinh Thập Nhất Diện thuyết ở núi này. Quán Thế Âm, có nơi gọi là Quang Thế Âm, có nơi gọi là Quán Tự Tại. Tiếng Phạm gọi là Bô-lô-yết-đề Nhiếp-phạt-la. Bô-lô-yết-đề, Trung Hoa nói là Quán; Tỳ-lô, Trung Hoa nói là Quang. Bởi vì tiếng và chữ gần nhau, cho nên có nơi phiên âm là Quang. Nhiếp-phạt-la, Trung Hoa nói là Tự Tại; Nhiếp-đa, Trung Hoa nói là Âm. Đối chiếu trong các kinh bản chữ Phạn, có nơi là Nhiếp-đa, có nơi là Nhiếp-phạt-la, vì vậy phiên dịch không giống nhau. Trong kinh Quán Thế Âm: “Lập tức quán xét âm thanh ấy đều được giải thoát.” Giải thích rằng: Cùng quán xét thế gian tùy theo âm thanh mà cứu khổ, gọi là Quán Thế Âm. Trong kinh ấy có đủ ba Luân: 1) Ngữ nghiệp xưng gọi danh hiệu trừ diệt bảy tai họa, đó là nước-lửa... 2) Thân nghiệp lễ bái thỏa mãn hai nguyện, đó là cầu con trai-con gái... 3) Ý nghiệp luôn luôn nghĩ nhớ trừ diệt ba độc, đó là nếu tham dục... Đều như kinh ấy nói. Nếu chỉ dựa vào ngữ nghiệp thì gọi là Quán Thế Âm, bởi vì nhiều nghiệp dụng. Nếu dựa vào thân-ngữ thì gọi là Quang Thế Âm, bởi vì ánh sáng nơi thân soi chiếu đến. Nếu đầy đủ ba Luân thâm nhiếp chúng sinh vô ngại thì gọi là Quán Tự Tại.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, cũng có ba. Ngay trong nghĩ đến pháp có mười câu, đều là dựa vào năng lực chỉ dạy trước đây mà tăng thêm tu hành, còn lại đều có thể biết.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, cũng có ba. Trong nhìn thấy có hai: Trước là Thiện Tài nhìn thấy Quán Âm, sau là Quán Âm khen ngợi Thiện Tài. Trong phần trước có bốn: Một, Nhìn thấy Y-Chánh thù thắng, đứng ở phía Tây của núi, nghĩa là dựa vào phía núi mặt hướng về Đông mà đứng, là tướng hướng về sáng tỏ; Hai, Thuyết pháp cho chúng sinh; Ba, Quán sát chăm chú không chớp mắt; Bốn, Từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là ý niệm thù thắng xông ướp trong tâm, trong đó tám câu đầu là riêng biệt hiển bày, hai câu sau là tổng quát kết luận. Trong phần sau từ “Thời Quán Thế Âm...” trở xuống là khen ngợi đức của Thiện Tài, có mười câu: 1) Khen ngợi về tâm thù thắng, đó là đầy đủ ba tâm. 2) Từ “Hướng Phổ Hiền...” trở xuống là khen ngợi về hạnh nguyện thù thắng. 3) Từ “Dục văn...” trở xuống là khen ngợi về trì pháp thù thắng. 4) Từ “Tăng trưởng...” trở xuống là tăng thêm pháp thiện không hề thỏa mãn. 5) Thuận theo Thiện hữu chỉ dạy.

6) Từ “Tùng Văn Thù...” trở xuống là chỗ dựa thù thắng, bởi vì dựa vào đó mà phát tâm, cho nên nói là từ biển ấy khởi lên; lại giải thích từ Bồ giác mà phát ra, cho nên nói là từ Trí ấy khởi lên. 7) Từ “Thành tựu...” trở xuống là khen ngợi về thành tựu thiện căn, cho nên được Lực Định của Phật gia hộ che chở. 8) Từ “Ly giải đãi...” trở xuống là khen ngợi về cầu pháp đặc biệt. 9) Khen ngợi về được thấy Phật thành tựu hạnh. 10) Từ “Trí tuệ...” trở xuống là khen ngợi về chứng trí viên mãn. Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là cung kính thưa hỏi, có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, có hai: Một, Khen ngợi phát tâm là trình bày về trao cho pháp phương tiện. Hai, Từ “Ngã dĩ...” trở xuống là chính thức nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có bốn: a) Nêu ra tên gọi; b) Phân rõ về đức; c) Hiển bày về Dụng; d) Kết luận về phần vị.

Trong phần a: Đại Bi là Đồng Thể Bi, lại là Vô Duyên Bi, cho nên gọi là Đại Bi; lại đầy đủ ba Bi, cho nên gọi là Đại Bi. Hạnh thuộc Quang Minh, là dùng ánh sáng của Bi làm lợi ích cho chúng sinh mà thành tựu hạnh. Bản văn Thiên Trúc gọi là Nhất Thiết Phật Bi Mật Trí Tạng Giải Thoát. Giải thích rằng dùng Bi khéo léo mà bí mật thâm nhiếp chúng sinh.

Phần b từ “Giáo hóa...” trở xuống là phân rõ về đức, trong đó có hai: 1) Không rời khỏi nơi Phật mà hiện rõ trước mắt chúng sinh. 2) Từ “Hoặc dĩ...” trở xuống là dùng bốn Nhiếp... để thành tựu lợi ích thâm nhiếp giáo hóa.

Phần c từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, trong đó có ba: 1) Lập thế nguyện về pháp hành. 2) Khiến cho lìa xa sợ hãi, có mười tám loại. 3) Từ “Phục thứ...” trở xuống là làm cho hành không lui sụt.

Phần d từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, có bốn: Một, Mở rộng về hạnh nguyện Phổ Hiền. Hai, Từ “Bất đoạn...” trở xuống là hạnh nghiệp tiếp tục lưu truyền. Ba, Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là trình bày về thâm nhiếp chúng sinh nối tiếp nhau. Bốn, Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ bảy là Tùy Thuận Đẳng Nhất Thiết Chúng Sinh Hội Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ tám là Tri thức Như Tướng Hội Hưởng.

Trong phần 1) Nêu ra pháp khuyến khích tu tập, có ba: Một, Chính

thức hướng về phía Đông đi đến; Hai, Quán Âm chỉ ra rõ ràng; Ba, Chỉ dạy thưa hỏi về đạo.

Trong phần một: Đi đến phía Đông là biểu thị cho tướng Như, trạng thái của Chứng Trí sáng suốt, tên gọi Chánh Thú là thần lực nhanh chóng đi đến các nẻo khắp mười phương, dùng Chánh pháp thấu nhiếp chúng sinh, cho nên lấy làm tên gọi. Bản văn Thiên Trúc nói có một Bồ-tát tên gọi Bất Hành Dư Đạo. Giải thích rằng: Chỉ thực hành Phật đạo, không thực hành đạo khác như Nhị thừa..., tức là đích thực hướng đến, cho nên gọi là Chánh Thú. Bản tiếng Phạm dựa theo ngăn chặn, bản tiếng Hán dựa vào biểu lộ. Đứng trên đỉnh núi Kim Cang, tức là núi Quang Minh này, biểu thị cho trú vào tướng Như vốn không thể phá hoại. Sau là trình bày về mặt đất rung động, vật báu trang nghiêm, phát ra ánh sáng, mưa xuống cúng dường. Đi đến nơi Quán Âm là trình bày về Trí dựa vào Bi, cũng là tùy thuận giáo hóa người có duyên chỉ ra dẫn dắt Thiện Tài.

Phần hai từ “Thời Quán Âm...” trở xuống là đối diện xem xét chỉ ra rõ ràng.

Phần ba từ “Nhữ nghệ...” trở xuống là chỉ dạy thưa hỏi, có thể biết.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có hai: Một, Lễ lạy; hai, Nghĩ về pháp đi đến phần vị tiếp sau. Vì sao không nghĩ đến Bi môn của Quán Âm, bởi vì Bi không lia xa Trí, khiến cho Bi tiến sâu vào biển Trí mới là cứu cánh.

Trong phần ba, Từ “Từ nghệ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, trước đã nhìn thấy cho nên chỉ có đến nơi cung kính bày tỏ thưa hỏi.

Trong phần bốn, Từ “Ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có ba: Một, Nêu ra tên gọi; hai, Phân rõ về nghĩa; b) Kết luận về phần vị.

Trong phần một: Mười phương không có ranh giới gọi là Phổ Môn, một niệm đi đến khắp nơi gọi là Tốc Hành.

Trong phần hai từ “Bạch ngôn...” trở xuống là phân rõ về nghĩa: Trước là nêu ra ba câu hỏi, sau là trở lại ba câu trả lời. Trong hỏi: a) Hỏi về nơi đạt được pháp; b) Hỏi về nơi đến xa gần; c) Hỏi về thời gian đi đến nhiều ít. Trong đáp có ba: a) Khen ngợi căn khí chọn lựa sâu xa, chỉ có tinh tiến... thì Thiện Tài chính là người ấy, bởi vì căn duyên tương xứng, muốn thuyết giảng cho Thiện Tài. b) Từ “Duy nguyện...” trở xuống là trở lại thưa hỏi. c) Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là trong đáp,

có bốn: 1) Chánh báo đã thưa hỏi, thế giới Diệu Tạng là trả lời về nơi trước đây đi đến, trú xứ của Phật... là trả lời về nơi đạt được pháp, từ “Tùng bử phát lai...” trở xuống là trả lời về thời gian đi đến rất lâu như vậy, cũng tức là xa gần. 2) Từ “Ưu nhất niệm...” trở xuống là giải thích về phạm vi giới hạn đi đến trong bấy nhiêu kiếp, chính là hiển bày về nghĩa của đi đến mau chóng. 3) Từ “Sở kinh chư quốc...” trở xuống là phân rõ về nghĩa của đi đến mau chóng thành tựu tu hành, nghĩa là trên cúng dường chư Phật-dưới cứu giúp chúng sinh, không những không bỏ dở đi đến mau chóng mà còn thành tựu Diệu hạnh, cũng chính là bởi vì đi đến mau chóng mà thành tựu về hạnh thù thắng này. 4) Từ “Nãi chí...” trở xuống là kết luận nối thông mười phương, nghĩa là từ phương Đông đã như vậy, mười phương cũng như vậy.

Phần ba từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Câu đầu là tổng quát mở rộng. Hai, Riêng biệt mở rộng, vô lượng cảnh giới đã trú vào không hủy hoại, không giống như Chánh Thú chỉ trú vào một đỉnh núi Kim Cang này. Ba, Riêng biệt mở rộng về đi đến mau chóng, nghĩa là bởi vì Pháp thân xưa nay đầy khắp pháp giới không cần phải đi đến mau chóng. Bốn, Từ “Phân biệt...” trở xuống là mở rộng về những việc đã làm, nghĩa là thuyết pháp độ sinh đều giống nhau, ba đời không vướng mắc... Năm, Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ tám là Như Tướng Hội Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ chín là Tri thức Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hội Hưởng.

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Bà-la Bà-đề, chính xác nói là Đọa-la Bạt-đề, Trung Hoa nói là Hữu Môn Thành, nghĩa là thành có cổng đọa nghiêm, cho nên lấy làm tên gọi. Đại Thiên là thanh tịnh không có ràng buộc, quả báo thù thắng phát sinh tự tại, cho nên thiết lập tên gọi này.

Trong phần 2- Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có bốn: Một, Lễ lạy từ tạ. Hai, Trong nghĩ đến pháp có ba: a) Tư duy mong cầu pháp trước đây; b) Từ “Xuất sinh...” trở xuống là nhờ vào tư duy đạt được pháp; c) Từ “Đắc bất tư nghị...” trở xuống là đưa ra pháp đã đạt được. Ba-Từ “Tiệm tiệm...” trở xuống là đến phần vị sau mở rộng thưa hỏi. Bốn-Có người chỉ ra rõ ràng là bạn của Thiện tri thức.

Trong phần ba, Từ “Thiện Tài vãng nghệ...” trở xuống là trình bày

về gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi.

Phần bốn, Từ “Nhĩ thời Đại Thiên...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có hai: Một, Trao cho pháp phương tiện; hai, Chính thức trao cho pháp của mình.

Trong phần một cũng có hai: a) Thân nghiệp; b) Ngữ nghiệp.

Trong phần a là thân nghiệp: Dùng bốn cánh tay dài là Dụng phương tiện của bốn Vô ngại giải; lấy nước bốn biển là tương ứng với nghĩa lưu chuyển thù thắng của pháp giới; rửa sạch mặt mình là rửa sạch mặt của mình ứng với căn cơ. Từ xưa đến nay đều nói rửa mặt Thiện Tài, nay đối chiếu bản tiếng Phạm, dùng bốn cánh tay dài ở nơi bốn phương đều lấy nước một biển tự rửa sạch mặt mình, vậy thì nước rửa sạch mặt mình là chủ động hưởng về, hoa rải trên Thiện Tài là dựa vào thụ động hưởng về.

Trong phần b từ “Tác như thị ngôn...” trở xuống là ngữ nghiệp khen ngợi căn cơ: 1) Một câu tổng quát, pháp đặc biệt kỳ lạ bởi vì không có ở thế gian. 2) Riêng biệt khen ngợi là trở về thâm nhiếp theo Chánh đạo. 3) Riêng biệt khen ngợi là bậc thầy bảo vệ theo Chánh pháp. 4) Riêng biệt khen ngợi là dẫn dắt đi đến kinh thành trí tuệ. 5) Từ “Cụ túc...” trở xuống là kết luận về lia xa lỗi lầm ứng với căn cơ.

Trong phần hai từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp của mình, có ba: a) Nêu ra tên gọi và Thể; b) Hiện bày về nghiệp dụng; c) Kết luận về phần vị của mình.

Trong phần a: Vân Vãng là pháp hành thuộc sáu Độ, có nghĩa về tưới thấm làm lợi ích, có nghĩa về che phủ khắp nơi, dụ như mây có nghĩa về tích chứa rưới nước, có nghĩa về chiếu rọi kín đáo, ví như dùng lưới giăng, tức là dùng sáu Độ hạnh làm Thể.

Trong phần b từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong đáp có ba: 1) Chỉ dạy thực hành hạnh bố thí, trong đó một là tích lũy đồ vật, hai là chỉ dạy bố thí, ba là giống như chúng sinh khác. 2) Từ “Phục thứ...” trở xuống là chỉ dạy thực hành về Trì giới... 3) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về thành tựu hạnh. Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Dựa theo năm dụ hiện bày về năm hạnh, hai hạnh đầu là Tự lợi, ba hạnh sau là Lợi tha. Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ chín là Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hưởng, xong.

Trong phần vị thứ mười là Tri thức Pháp Giới Vô Lượng Hồi

Hương.

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Các phần vị trước đây đều là Nam Thiên Trúc, nay chỉ ra nước Ma-kiệt ở Trung Thiên Trúc. Thần ở Đạo tràng là muốn biểu thị cho hai nghĩa: Một, Dựa theo nhân, biểu thị cho Địa thượng Chứng Chân giống như phần vị Phật, cuối cùng phần vị Hồi Hương, vì vậy thành tựu hương về nơi này. Hai, Dựa theo quả, biểu thị cho Phật đến với căn cơ phương tiện hiện thân là tướng của khéo léo, thuộc về phần vị Hồi Hương đầy đủ, vì thế cho nên ở đây phân rõ về nơi Thành Đạo. Bởi vì cuối cùng năm phần vị đều có thành Phật, cho nên dưới tán cây thị hiện thành tựu thuộc về phần vị này. Vả lại, Thần là biểu thị cho nghĩa của Trí đức sâu xa bí mật này. Nhưng Thần canh giữ Đạo tràng, có Thọ Thần ở Đạo tràng, có Địa Thần ở Đạo tràng, nay là Địa Thần biểu thị cho tâm địa làm chỗ dựa, bởi vì trong tâm đạt được Đạo là đất của Đạo tràng. Tên gọi An Trú là thâm nhiếp các thiện căn hồi hương Bồ-đề, đặt vào nơi đất của Đạo tràng, trú trì không mất đi mà cần phải làm cho thành tựu quả, vì vậy lấy làm tên gọi.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hương đến tiến vào, có hai: Một, Lễ lạy cung kính từ tạ ra đi; Hai, Đến nơi phần vị tiếp sau.

Trong phần ba, Từ “Nhất vạn Địa Thiên các tác thị ngôn...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có bốn: Một, Địa Thiên ca ngợi đức của Thiện Tài; Hai, Từ “Thời an trú...” trở xuống là trang nghiêm quốc độ thâm nhiếp chúng sinh; Ba, Nói cho biết rõ về kho tạng quý báu; Bốn, Lễ lạy cung kính nói rõ ý mình.

Phần bốn, Từ “Thời bỉ Địa thần tác dĩ...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có năm: Một, Nêu ra Thế; Hai, Hiển bày tên gọi; Ba, Nghiệp dụng; Bốn, Nhân duyên; Năm, Kết luận về phần vị.

Trong phần một: Bởi vì thiện căn đời trước của Thiện Tài thủy đều hồi hương Đại Bồ-đề, cho nên an trú trong kho dưới tán cây Bồ-đề ở Đạo tràng này, tức là kho tạng của tâm Bồ-đề. Nay sắp Chứng Địa, lại khiến cho toàn bộ hiện rõ ra, vì tất cả thiện căn đều ở nơi này.

Phần hai: Tôi đã thành tựu... là hiển bày về tên gọi của pháp, bởi vì trú trì không mất đi, quyết định thành Phật, gọi là Bất Hoại Tạng.

Phần ba từ “Ngã ư...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, trong đó có mười câu: Đầu là một câu tổng quát, nói thường xuyên bảo vệ là bởi vì duy trì những hạnh ấy. Sau là trong chín câu riêng biệt hiển bày: 1) Chứng trí sâu xa; 2) Đại nguyện đầy đủ; 3) Diệu hạnh thanh tịnh; 4)

Phát sinh Thần thông thù thắng; 5) Có đủ đức lực; 6) Thành tựu pháp kiên cố; 7) Nghe Phật thuyết giảng, bởi vì hạnh giữ gìn bảo vệ tăng thêm, cho nên nghe Phật trao cho pháp thọ ký; 8) Dưới là dùng pháp để giáo hóa; 9) Trên là tiếp nhận năng lực của Phật.

Phần bốn từ “Nãi vãng...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp, trong đó có ba: a) Đi đến nơi chốn thời xưa; b) Từ “Tu tập...” trở xuống là đạt được pháp rộng thêm; c) Từ “Ưu kỳ trung...” trở xuống là lại được gặp chư Phật, đều ở nơi Đạo tràng thành tựu Chánh giác, luôn luôn thực hiện cúng dường..., bởi vì điều quan trọng ấy là môn này.

Phần năm từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Thường xuyên có thể đi theo hầu hạ, bởi vì Địa thần này chỉ ở nơi Đạo nhìn thấy Phật chứ không có thể thường xuyên đi theo, cho nên kính trọng tôn sùng. Hai, Từ “Tất văn...” trở xuống là mở rộng về nghe rộng rãi. Ba, Từ “Thâm nhập...” trở xuống là trình bày về nghe sâu xa. Bốn, Từ “Ưu niệm niệm...” trở xuống là trình bày về nghe nhanh chóng. Năm, Từ “Nhất thiết Phật ảnh...” trở xuống là trình bày về nhân sinh ra quả không thể hủy hoại... Sáu, Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ mười là Pháp Giới Vô Lượng Hội Hương, xong. Trên đây là phần vị Thập Hội Hương, xong.

Từ đây trở xuống từ Bà-sa Bà-đà đến Cù-di có mười Thiện tri thức, trình bày về hạnh thuộc phần vị Thập Địa.

Trong phần vị thứ nhất là Tri thức Hoan Hỷ Địa, cũng làm thành năm phần.

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Chính xác nói là Ca-tỳ-la Bà-suất-đổ, Trung Hoa nói là Hoàng Vật Thành, tức là ngày xưa Tiên nhân Hoàng Đầu trước ở nơi này, sau ở đây làm nên kinh thành mà lập ra tên gọi này, cũng gọi là Trú Xứ Tịch Tĩnh. Vì sao ở thành này, là biểu thị cho Địa thứ nhất trở lên sinh vào nhà Phật, cho nên ở kinh thành nơi Phật sinh ra. Bà-sa Bà-đà, chính xác nói là Bà-la Bà-tát-na, Trung Hoa gọi là Y Chỉ Bất Úy, tức là văn sau mở rộng để cho chúng sinh sợ hãi làm nơi nương tựa. Bản văn Thiên Trúc nói là Bà-tăng-đa, Trung Hoa nói là Xuân, nghĩa là biểu thị cho năng lực sinh trưởng vạn hạnh như mùa Xuân. Dạ Thiên là giống như Thần chủ đêm (Chủ Dạ Thần)... trong Hội thứ nhất, nghĩa là ở trong đêm chiếu rọi ánh sáng cứu giúp chúng sinh, cho nên lấy làm tên gọi, biểu thị cho

chứng trí huyền diệu lia xa các tướng mà phá trừ chướng ngại tối tăm. Chính loại Dạ Thiên này, dựa vào bản tiếng Phạm đều là Thiên Nữ, biểu thị cho dáng hình là Từ Bi.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Cung kính từ tạ. Hai, Nghĩ đến pháp có mười câu, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt, đều là đức của pháp môn Vô Hoại; Lại giải thích: Dùng chín hạnh này tiến vào pháp môn ấy. Ba, Dẫn đi đến nơi ấy từ cửa phía Đông tiến vào là bắt đầu của sự sáng suốt, vốn là bắt đầu tiến vào Chứng; ở giữa kinh thành là biểu thị cho lia xa hai bên.

Trong phần ba, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài nhật một...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi. Trong phần một có ba: a) Suy xét tìm tòi nói mặt trời lặn là biểu thị cho dùng hết Trí phân biệt của Địa tiền; lại bởi vì Dạ Thiên này không phải do ban ngày mà nhìn thấy, ở trong đêm tối thì mới có thể nhìn thấy. b) Từ “Kiến bỉ...” trở xuống là trình bày chính thức nhìn thấy thân, Cổ nhân nói: “Kinh thành gọi là Giáo đạo của Địa thứ nhất, trú trên không trung gọi là Chứng đạo, thân như vàng ròng là Thật đức hiển bày rõ ràng, mặc áo đỏ là biểu thị cho ánh sáng của Chứng trí.” c) Từ “U kỳ thân...” trở xuống là nhìn thấy nghiệp dụng của vị ấy, trong đó có ba: 1) Thân hiện rõ ánh sáng như sao đêm... là đêm tối thâm nhiếp chúng sinh; 2) Lỗ chân lông hiện rõ pháp để làm lợi ích cho chúng sinh; 3) Từ “Tùy sở kinh...” trở xuống là ở trong một lỗ chân lông, nhìn thấy và nghe Bồ-tát giáo hóa chúng sinh. Hai-Từ “Thiện Tài kiến văn...” trở xuống là lễ lạy cung kính. Ba-Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là bày tỏ thưa hỏi, nói Đạo của Nhất-thiết-trí là trình bày về Thập Địa là Đạo thuộc Chánh nhân của Phật.

Trong phần bốn, Từ “Dạ Thiên cáo...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, có hai: Một, Khen ngợi về phát tâm thuận theo lợi ích của Tri thức. Hai, Chính thức hiển bày về pháp của mình, trong đó có bốn: a) Nêu ra tên gọi và Thể; b) Hiển bày về nghiệp dụng; c) Nhân duyên đạt được pháp; d) Kết luận về Tự phần.

Trong phần a: Ánh sáng soi chiếu khắp nơi các pháp là Chánh chứng pháp giới, hủy hoại làm phân tán... là phá tan chướng thuộc dị tánh, loại trừ hai ngu. Lại giải thích: Soi chiếu khắp nơi các pháp là trình bày về Đại Trí ấy, hủy hoại làm phân tán cái ngu của chúng sinh là trình bày về Dụng của Đại Bi. Lại giải thích: Trước là Tự lợi, sau là Lợi tha. Lại giải thích: Soi chiếu khắp nơi... là Trí chủ động giáo hóa, hủy hoại làm phân tán... là lợi ích đối với căn cơ giáo hóa.

Trong phần b từ “Ngã ư ác chúng sinh...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng: Trước là trường hàng, sau là kệ tụng.

Trong phần trước có hai: 1) Khởi tâm cứu giúp chúng sinh, có chín loại có thể biết. 2) Từ “Ngã thường...” trở xuống là chính thức đối với duyên cứu giúp thân nhiếp, trong đó có mười môn: Đầu là một môn tổng quát phân rõ, sau là chín môn riêng biệt hiển bày.

Trong môn tổng quát: Đầu là trình bày về thời gian cứu giúp, cũng là giải thích về nghĩa của Dạ Thiên, bởi vì chủ yếu là thân nhiếp giáo hóa trong đêm của thế gian, cũng biểu thị cho thân nhiếp chúng sinh trong bóng tối Biến dịch của Địa thượng; tiếp là thành ấp... trình bày về nơi chốn cứu giúp; sau là đối với chúng sinh này dùng các loại... để thành tựu sự việc cứu giúp.

Trong phần sau từ “Nhược hữu tao hải...” trở xuống là riêng biệt hiển bày chín môn cứu giúp chúng sinh ở nơi hoạn nạn, đều có hai sự cứu giúp: 1) Cứu giúp theo thế gian; 2) Cứu giúp theo xuất thế gian.

Một: Trong cứu giúp hoạn nạn ở biển: Trước là trình bày về trạng thái hoạn nạn đã cứu giúp, sau là hiển bày về phương tiện có thể cứu giúp, tuy cứu giúp biển của thế gian mà cũng muốn cứu giúp chúng sinh trong biển sinh tử. Trong môn một này lược qua văn này.

Hai: Cứu giúp chúng sinh ở đất liền: Trước là làm ánh sáng... là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Phát như thị tâm...” trở xuống là dùng ánh sáng trí tuệ diệt trừ bóng tối của phiền não, là cứu giúp xuất thế gian.

Ba: Cứu giúp chúng sinh ở núi rừng: Trước là làm cây trái..., là cứu giúp trong thế gian; sau là khiến cho chúng sinh vượt qua núi rừng sinh tử, là cứu giúp xuất thế gian.

Bốn: Cứu giúp chúng sinh ở đồng rộng hoang vu: Trước là khiến cho lìa xa đói khát..., là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là khiến cho Trí đạo đến cứu cánh, là cứu giúp xuất thế gian.

Năm: Từ “Kiến lạc trước...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh đắm vào quốc độ: Trước là khiến cho diệt trừ đắm vào sự vui thích ấy, là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là cũng khiến cho trừ bỏ đắm vào năm Ấm mà trú trong cảnh giới Phật, là cứu giúp xuất thế gian.

Sáu: Từ “Kiến trước tụ lạc...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh đắm vào tụ lạc: Trước là thuyết pháp khiến cho chán ngán, là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là khiến cho lìa xa

tụ lạc trống rỗng của sáu Nhập mà tiến vào kinh thành của Nhất-thiết-trí, là cứu giúp xuất thế gian.

Bảy: Từ “Phục thứ...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh mê hoặc: Trước là khiến cho giải thoát, là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Phát như thị tâm...” trở xuống là trình bày về cứu giúp xuất thế gian, khiến cho diệt trừ ngu si tăm tối, dừng lại những điều ác nghịch, trong đó: a) Hiển bày về chúng sinh đã cứu giúp; b) Từ “Như thị...” trở xuống là trình bày về đức có thể cứu giúp.

Tám: Từ “Ngã kiến bần khổ...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh già bệnh: Trước là phương tiện cứu giúp, là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là khiến cho đạt được Pháp thân thường trú, là cứu giúp xuất thế gian.

Chín: Từ “Ngã kiến chư ác chúng sinh...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh tà kiến ngoại đạo: Trước là khiến cho trú vào Chánh kiến, là cứu giúp trong thế gian; sau từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là khiến cho đạt được Phật quả xuất thế gian...

Chín môn trên đây là đối với chín loại chúng sinh trước đây khởi lên chín loại tâm..., thích hợp dựa theo đây nhận biết.

Trong phần sau là kệ tụng, có hai mươi một tụng phân bốn: 1) Một tụng về tên gọi và Thể của pháp môn. 2) Có bốn tụng trình bày về bốn tâm Vô lượng, là tâm chủ động cứu giúp chúng sinh. 3) Có mười tụng trình bày về sáu Xứ thù thắng: Đầu là ba tụng về mắt, tiếp là hai tụng về tai, tiếp là một tụng về mũi, tiếp là một tụng về lưỡi, tiếp là một tụng về thân, tiếp là hai tụng về ý. 4) Sáu tụng cuối cùng trình bày về nghiệp dụng rộng lớn: Đầu một tụng về Thân thông rộng lớn, tiếp ba tụng về Trí tuệ rộng lớn, sau hai tụng về đã nhìn thấy rộng lớn.

Phần c từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp: Trước là nêu lên hai câu hỏi; sau là trở lại trả lời hai câu hỏi.

Trong trả lời: Một, Trả lời về thời gian phát tâm; Hai, Từ “Phục thứ thiện nam tử quá khứ...” trở xuống là trả lời về đạt được pháp xa gần.

Trong mục một có tám: 1) Tổng quát trình bày về Phật xuất thế ở thời kiếp quá khứ; 2) Hiển bày về Phụ vương ở quá khứ; 3) Phật bắt đầu xuất thế; 4) Phân rõ về sinh thân đời trước; 5) Thiện hữu nói cho biết ca ngợi Phật xuất thế; 6) Cúng dường Phật và Đại chúng; 7) Kết luận về thông hiểu xưa nay; 8) Hiển bày về thiện lực không hư hỏng.

Trong mục hai là trả lời về đạt được pháp xa gần, có năm: 1)

Tổng quát trình bày về thời gian-xứ sở Đức Phật xuất thế; 2) Hiển bày về sinh thân đời trước; 3) Từ “Bỉ Tịnh Nguyệt...” trở xuống là trình bày về Thiện hữu khuyên bảo; 4) Đến nơi Phật nghe pháp; 5) Trình bày về đạt được Tam-muội, trong đó có bốn: Một, Đạt được Tam-muội phương tiện; Hai, Từ “Đắc thử...” trở xuống là trình bày về chính thức đạt được pháp môn; Ba, Từ “Phóng quang...” trở xuống là trình bày về ánh sáng soi chiếu được thấy Phật tăng trưởng pháp môn; Bốn, Từ “Nhất thân...” trở xuống là trình bày về thân rộng khắp quốc độ được thấy Phật tăng thêm pháp. Những điều đã nói trên đây là trình bày về dấu tích sâu xa từ mầm rễ của một pháp môn này cho đến bây giờ.

Phần d, Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Một, Mở rộng về Tự hành; Hai, Từ “Ư niệm niệm trung giáo hóa...” trở xuống là mở rộng về hạnh Lợi tha. Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phạm vi của mình. Phần vị thứ nhất là Hoan Hỷ Địa, xong.

Trong phần vị thứ hai là Tri thức Ly Cấu Địa, cũng có năm phân:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Tên gọi của Nữ Dạ Thiên, Tối thắng pháp giới xưng là Thâm Thâm, Chánh trí chứng nhập gọi là Diệu Đức, Giới không có cấu nhiễm sai phạm, Trí có công năng soi chiếu Tục, cho nên nói là Ly Cấu Quang Minh.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có bốn: Một, Ca ngợi phần vị trước đây; Hai, Từ tạ ra đi; Ba, Nghĩ đến pháp; Bốn, Đến phần vị sau.

Trong phần một dùng mười kệ để ca ngợi về đức: Hai kệ đầu ca ngợi về Thân trí rất sâu xa; hai kệ tiếp ca ngợi về Thân trí rộng lớn; hai kệ tiếp ca ngợi về Hóa dụng thuộc ánh sáng đầu lông; một kệ tiếp ca ngợi về nhân ban đầu trang nghiêm quốc độ; hai kệ tiếp là thấy nghe được lợi ích; một kệ sau cuối là kết luận về ca ngợi vô tận.

Ngay trong phần ba là nghĩ đến pháp: Đầu là tư duy về pháp trước đây, có hai: a) Tư duy về lúc mới phát tâm; b) Tư duy về lúc đạt được pháp viên mãn. Sau là trong phần trình bày nhờ vào tư duy mà đạt được lợi ích, có mười câu về hành tướng, có thể biết.

Phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, đều có thể biết.

Phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có năm: Một, Khen ngợi pháp khí; Hai, Nêu ra pháp phương tiện; Ba, Hiển bày về tên gọi và Thể của pháp; Bốn, Phân rõ về nghiệp dụng của pháp; Năm, Kết luận về phần vị của mình.

Trong phần một là khen ngợi phát tâm có thể thừa hởi về hạnh dựa vào Địa và Địa làm chỗ dựa của hạnh.

Phần hai là nêu ra pháp của hạnh phương tiện trước đây, trong đó có ba, đó là nêu ra-phân rõ và kết luận.

Trong phân rõ giải thích, trong mười hạnh: Một hạnh đầu là tổng quát, đó là dựa vào Định được thấy Phật. Chín hạnh còn lại là riêng biệt: 1) Nhìn thấy sắc thân của Phật; 2) Nhận biết thân công đức của Phật; 3) Nhận biết thân quang minh của Phật; 4) Nhìn thấy thân lợi ích chúng sinh trong ánh sáng đầu lông của Phật; 5) Nhìn thấy thân hiện rõ ánh sáng trong lỗ chân lông của Phật; 6) Nhìn thấy thân nghiệp giáo hóa của Phật; 7-8) là ngữ nghiệp giáo hóa, một là rộng lớn, hai là sâu xa; 9) Tổng quát kết luận về thần lực.

Trong phần ba từ “Ngã dĩ thành...” trở xuống là hiển bày về tên gọi và Thể của pháp, vui với Định Tịch Diệt là Nội chứng thuộc Trí căn bản, tinh tiến là Trí hậu đắc thúc đẩy tu tập, dựa theo sau dùng bốn Thiền-bốn Cần làm Thể tánh của pháp ấy.

Trong phần bốn từ “Tất kiến tam thế...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng có ba: a) Giải thích về nghĩa Tịch Diệt; b) Nghĩa về Thiền Lạc; c) Nghĩa về Tinh Tiến.

Phần a: Nhìn thấy Phật không đấm trước là giải thích về nghĩa Tịch Diệt, trong đó: Một, Mười câu về nhìn thấy Y-Chánh, Chủ-Bạn của Phật không đấm trước. Hai, Từ “Hà dĩ...” trở xuống là nêu ra vấn đề-giải thích thành tựu cũng có mười câu, trong đó: Đầu là ba câu về Diệu tận cùng ba đời; tiếp là một câu trở lại vượt lên trên ngôn ngữ biểu lộ; tiếp là hai câu về Tánh lìa xa hư-thật; tiếp là hai câu về Thể không có thay đổi; sau cuối là hai câu về một tánh thuộc Vô tánh. Đây là trình bày Sắc thân... đã nhìn thấy, bởi vì bình đẳng như vậy, cho nên không đấm trước.

Phần b từ “Ngã như thị liễu tri...” trở xuống là trình bày về đạt được nghiệp Thiền định, trong đó: Một, Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; Hai, Từ “Chánh thọ...” trở xuống là chính thức hiển bày về đạt được niềm vui của Định. Chánh thọ Thiền thứ nhất trình bày về Thể của Định, diệt ý nghiệp là trình bày đã lìa xa, diệt Dục ác... trong ý nghiệp, đạt được Tịch trí... là niềm vui đã đạt được. Trong Thiền thứ hai, diệt giác quán sinh tử mà không bỏ thân nhiếp chúng sinh. Trong Thiền thứ ba, diệt nổi khổ phiền não cho nên đạt được niềm vui chân thật. Dựa vào Thiền thứ tư tăng trưởng tâm Đại Bồ-đề. Từ “Xuất sinh...” trở xuống là tăng thêm thành tựu những hạnh khác.

Phần c từ “Ngã như thị tu tập...” trở xuống là giải thích về nghĩa Tinh Tiến: Một vị Bồ-tát dựa vào Thiên để giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là Tinh tiến. Lại giáo hóa chúng sinh khiến cho lìa xa phóng túng cũng gọi là Tinh tiến. Một là giáo hóa tại gia khiến cho lìa xa phóng túng có mười hai loại Tướng; hai là giáo hóa xuất gia lìa xa phóng túng; ba từ “Hựu phục...” trở xuống là khen ngợi gần gũi Thiện hữu, khiến cho thường xuyên đoạn trừ hai pháp ác-thường xuyên tu tập hai pháp thiện.

Phần năm từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phần vị của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có sáu: Một, Mở rộng về hạnh nguyện của Phổ Hiền; Hai, Lìa xa chướng đầy đủ thiện; Ba, Thành tựu cảnh của Phật trí; Bốn, Ở nơi nhiễm mà không hề nhiễm; Năm, Thân nhiếp Phật và Pháp; Sáu, Diệt trừ bóng tối soi chiếu đêm đen. Từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ hai là Ly Cấu Địa, xong.

Trong phần vị thứ ba là Tri thức Minh Địa, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập, có hai: Một, Chỉ ra phần vị sau; Hai, Kệ tụng về văn trước đây.

Trong phần một, có ba: a) Nêu ra nơi chốn không xa, là bởi vì b và c tiếp theo gần bên cạnh; bên phải Như Lai là chứng Lý giống như Quả, phương tiện thân nhiếp chúng sinh cho nên ở bên phải; Hỷ Mục Quán Sát Chúng Sinh, là bên trong chứng Lý sâu xa, bên ngoài hiện rõ ánh mắt hiền từ để nhìn chúng sinh, cho nên thiết lập tên gọi này. Bản văn Thiên Trúc gọi là Hỷ Mục Quang Minh Chiếu Xúc Chúng Sinh.

Trong phần hai là tụng về pháp trước đây, có mười ba tụng: Trước là mười hai kệ chính thức tụng về pháp trước đây; sau là một kệ tụng về chỉ ra phần vị tiếp sau.

Trong phần trước: Đầu là hai kệ tụng về dựa vào Định nhìn thấy chư Phật ba đời trước đây; tiếp là mười kệ tụng trình bày về nhìn thấy Đức Phật Xá-na. Trong mười kệ: Đầu là ba kệ tụng trình bày về Thế đức trọn vẹn đầy đủ; sau là bảy kệ tụng về Diệu Dụng tự tại của Phật. Trong bảy kệ: Đầu là ba kệ tụng về Thân nghiệp tự tại, tiếp là hai kệ tụng về Ngữ nghiệp tự tại, sau là hai kệ tụng về Ý nghiệp tự tại.

Trong phần hai, theo lời dạy hướng đến tiến vào, có ba: Một, Gặp gỡ rồi cung kính từ tạ ra đi; Hai, Khởi lên vui thích mong muốn thù thắng; Ba, Đi đến phần vị tiếp sau.

Ngay trong phần hai là khởi lên vui thích mong muốn thù thắng,

có ba: Đầu là mười câu về tự lực tư duy nghĩ đến ca ngợi đức của Tri thức; tiếp là mười câu về Hỷ Mục gia trì chuyển sang khởi lên ý niệm thù thắng; sau từ “Tắc thời liễu tri...” trở xuống là trình bày về nhờ vào ý niệm thù thắng trước đây mà pháp được tăng trưởng.

Trong phần ba lược qua không có gặp gỡ cung kính bày tỏ thưa hỏi.

Từ “Kiến bỉ Dạ Thiên...” trở xuống tức là phần bốn nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có bốn: Một, Thể trạng; Hai, Nghiệp dụng; Ba, Đưa ra nhân; Bốn, Kết luận về tên gọi.

Trong phần một: Pháp môn Thân An Bảo Tòa Trí Xứ, nghĩa là dựa vào thân pháp giới hiện rõ Nhân-Pháp sai biệt nơi Phổ Quang Tràng, để lợi ích chúng sinh, khiến cho họ vui thích, làm Thể trạng của pháp môn.

Phần hai từ “Nhất thiết mao khổng...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, trong đó có ba: a) Hiện rõ nghiệp dụng to lớn; b) Trình bày về Thiện Tài nhìn thấy; c) Kệ ca ngợi của Thiện Tài.

Trong phần a có ba: 1) Lỗ chân lông xuất hiện thân mây thực hành mười Độ để giáo hóa chúng sinh; 2) Từ “Hựu ư nhất thiết mao khổng hiển hiện...” trở xuống là trình bày nơi lỗ chân lông Dạ Thiên tự tại hiện rõ bốn hạnh đã tu trước đây, bởi vì tùy ý duy trì cho nên không mất đi; 3) Từ “Hựu nhất thiết mao khổng xuất vô lượng thân vân...” trở xuống là trình bày hiện rõ thân mây ở các nẻo thuyết về bốn hạnh của Dạ Thiên.

Trong mục một có ba: Một, Tổng quát; Hai, Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về mười Độ; Ba, Từ “Như hiển hiện...” trở xuống là tương tự nối thông với pháp khác. Trong mục hai là riêng biệt, mười Độ tức là mười đoạn có thể biết.

Ngay trong mục hai là hiện rõ bốn hạnh của Dạ Thiên: Một, Tổng quát; Hai, Từ “Hạnh đàn...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười Độ. Sáu Độ trước có thể biết.

Trong Nguyên-Lực phương tiện đều có năm câu: a) Nêu ra Thể của hạnh; b) Thân tu hạnh; c) Hạnh đã tu tập; d) Hạnh lìa xa chướng; e) Hạnh thuộc nhân vốn có.

Trong Trí Ba-la-mật: a) Nêu ra phạm vi giới hạn của Trí độ; b) Từ “Tùy thuận...” trở xuống là hiển bày về pháp đã nhận biết.

Ngay trong mục ba là hiện rõ thân mây ở các nẻo thuyết về bốn hạnh của Dạ Thiên, có bốn: Một, Trình bày về thân mây đã xuất hiện; Hai, Trình bày về bốn hạnh đã thuyết giảng; Ba, Trình bày về dùng đủ

loại âm thanh để thuyết giảng; Bốn, Trình bày về thuyết pháp làm lợi ích.

Trong mục một: a) Tổng quát nêu ra; b) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong riêng biệt: Bắt đầu từ A-ca-ni-tra xuống đến Kim Cang lực sĩ có sáu mươi loại chúng đầy khắp pháp giới, có thể biết.

Mục hai từ “Vị nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là hiển bày về công đức đã thuyết giảng, có ba: a) Trình bày về hạnh đã tích lũy nhiều kiếp; b) Từ “Đắc chư Tam-muội...” trở xuống là trình bày về Thông-Minh đã đạt được; c) Từ “Đắc chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về phần vị của hạnh đã đạt được.

Trong mục ba từ “Như thị đẳng loại...” trở xuống là trình bày về dùng âm thanh để thuyết giảng, có ba: a) Tổng quát nêu ra; b) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về hai mươi bốn loại âm thanh; c) Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là kết luận về thuyết giảng.

Trong mục bốn từ “Bỉ nhất nhất thân vân...” trở xuống là trình bày về thuyết pháp làm lợi ích: a) Lợi ích về trang nghiêm quốc độ; b) Từ “Vô lượng...” trở xuống là lợi ích về lợi ích cho chúng sinh, có lợi ích dần dần theo sáu phần vị, có thể biết.

Phần b là trình bày về Thiện Tài thấy nghe chứng nhập pháp giới, trong đó có ba: 1) Phân rõ về những điều đã thấy nghe; 2) Từ “Chánh niệm...” trở xuống là chính thức chứng nhập pháp giới; 3) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nhân thành tựu của Chứng, có mười loại nguyên nhân, có thể biết.

Trong phần c là kệ ca ngợi của Thiện Tài: Trước là trình bày về nguyên nhân thuyết kệ, sau là chính thức dùng kệ để ca ngợi. Mười kệ phân năm: Đầu là hai kệ ca ngợi dựa vào nhân thù thắng hiện rõ lợi ích của Dụng; tiếp là hai kệ ca ngợi dựa vào Pháp thân hiện rõ lợi ích của giáo hóa; tiếp là hai kệ ca ngợi về lợi ích chúng sinh không đấm trước; tiếp là hai kệ ca ngợi dựa vào Định hiện rõ lợi ích hiếm thấy; sau cuối là hai kệ tổng quát kết luận về hiện thân thuyết pháp làm lợi ích.

Phần ba từ “Thán dĩ bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp, trong đó có hai: a) Nêu lên hai câu hỏi, một là hỏi về thời gian phát tâm, hai là hỏi về đạt được pháp xa gần. b) Trả lời cũng có hai, trước là kệ tụng, sau là kết luận về thông hiểu.

Trong phần trước có tám mươi chín tụng rưỡi, phân làm hai: 1) Có bảy mươi bảy tụng rưỡi trả lời về thời gian phát tâm; 2) Từ “Công Đức Tràng Phật...” trở xuống là mười hai tụng trả lời về đạt được pháp

xa gần.

Trong phần một có mười lần “Lại nữa”: Một, Trong kiếp Tịch Tĩnh Âm có năm: a) Tám tụng hiển bày về thân ban đầu của Dạ Thiên; b) Từ “Nhật một...” trở xuống là mười một tụng trình bày về nhìn thấy Phật lúc đầu; c) Từ “Ngã thời...” trở xuống là ba tụng trình bày về đi đến nơi Đức Phật; d) Từ “Thời bỉ Như Lai...” trở xuống là ba tụng trình bày về nghe pháp mà phát tâm, chưa hề quên mất là trình bày về không lui sụt; e) Từ “Thị hậu...” trở xuống là năm tụng trình bày về phát tâm. Sau ở trong kiếp ấy đã cúng dường chư Phật, sơ lược nêu ra mười Đức Phật để hiển bày về số căn bản. Chưa đạt được Tuệ nhãn là trình bày trong phần vị Tín, vốn chưa đạt được Tuệ nhãn đích thực của Thập Giải. Hai, Trong kiếp Thiên Thắng Diệu có bốn tụng rưỡi, chưa lìa xa năm Dục, là chưa đạt được giải thoát, hãy còn đắm vào dục lạc. Ba, Trong kiếp Trang Nghiêm Phạm Âm có năm tụng rưỡi, hãy còn chưa hiểu rõ chân thật, là chưa đến Như Thật mà thực hành hạnh chân thật trong phần vị Thập Hạnh. Bốn, Trong kiếp Hoan Hỷ Đức có năm tụng rưỡi, hãy còn chưa đạt được Diệu Trí..., là chưa đạt được Vô lượng hồi hướng như Trí phương tiện khéo léo xứng với pháp giới... trong Thập Hồi Hương. Năm, Trong kiếp Tịch Tĩnh Tuệ có năm tụng rưỡi, hãy còn chưa hiểu Chân pháp..., là chưa đạt được Trí căn bản chứng hiểu về pháp Chân Như của Địa thượng, cũng chưa đạt được Trí hậu đắc đi qua quốc độ cúng dường chư Phật... Sáu, Trong kiếp Hương Đăng Vân có năm tụng, thành tựu tám Chánh đạo, là vốn đạt được Kiến đạo của Địa thứ nhất. Bảy, Trong kiếp Minh Tĩnh Kiên Cố có sáu tụng, đạo Tối thắng nghiêm tịnh, là trình bày về thành tựu hạnh thuộc đạo thù thắng trong Địa thứ hai-thứ ba-thứ tư-thứ năm, chưa đạt được duyên sinh sâu xa thuận với Nhãn của Địa thứ sáu. Tám, Trong kiếp Thắng Vương có năm tụng, ở trong kiếp ấy tu Chánh đạo, là tu Trung đạo quán duyên sinh của Địa thứ sáu. Chín, Trong kiếp Thiên Công Đức có năm tụng rưỡi, ở phần vị Địa thứ bảy vốn chưa đạt được Vô sinh nhãn của Địa thứ tám. Mười, Trong kiếp Vô Trước Trang Nghiêm có năm tụng, trình bày về cúng dường Đức Phật.

Phần hai từ “Công Đức Tràng Như Lai...” trở xuống là mười hai tụng chính thức trình bày về đạt được pháp môn này: Một, Niệm lực của Đà-la-ni..., là trình bày về Địa thứ chín đạt được bốn Vô ngại giải và Trì thành tựu, tiếp nhận pháp vũ mà Như Lai đã thuyết. Hai, Tôi đạt được Tam-muội Đà-la-ni Minh Tĩnh Nhãn là trình bày về đạt được pháp môn của Địa thứ mười, mỗi một niệm nhìn thấy Phật là nhìn thấy Phật trong

quả Nhiếp Báo, tâm thanh tịnh như hư không là trình bày về chương vi tế cũng không còn, đạt được Phật lực tức là Địa thứ mười tiếp nhận phần vị, thuộc về số lượng chư Phật. Từ “Quán sát...” trở xuống là trình bày về Đức của Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh, Pháp Vân Ba-la-mật... là kết luận về tên gọi của phần vị. Từ “Phật tử...” trở xuống là hai tụng kết luận thành tựu phần vị của hạnh Phổ Hiền, bao gồm đầy đủ tất cả.

Trong phần sau là kết luận về thông hiểu xưa nay: 1) Pháp gặp người; 2) Hiện bày về lợi ích phát tâm của mình; 3) Từ “Nãi chí...” trở xuống là trình bày về đạt được pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần năm, Từ “Chư Đại...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, có hai: Trước là riêng biệt phân rõ về mười lớp, có thể biết; sau từ “Ngã đương...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ ba là Minh Địa, xong.

Trong phần vị thứ tư là Tri thức Diệm Địa, cũng có năm phân:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Cùng thuộc về phần vị Chứng, cho nên nói là trong Đại chúng của Phật ở cõi này; Trí thù thắng cát tường gọi là Diệm Đức, thâm nhiếp chúng sinh khởi hạnh gọi là Cứu hộ chúng sinh.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có ba: Một, Lễ lạy từ tạ; Hai, Trong tư duy nghĩ đến có hai: a) Tư duy về pháp đã hiện rõ trước đây có năm câu: 1) Tổng quát nêu ra pháp môn; 2) Phân biệt là phân tích về môn ấy; 3) Thâm nhập là chứng nhập tận cùng nguồn gốc; 4) Khai phát là tìm hiểu về sự kín đáo ấy; 5) Hiện hiện là lộ rõ Thể trạng ấy. b) Từ “Tùy thuận...” trở xuống là nghĩ đến người đã chỉ ra trước đây. Ba, Đi đến phần vị tiếp sau.

Phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi.

Phần bốn, Nêu rõ pháp giới của mình. Hai phần này hợp lại để phân rõ, trong đó có bốn: Một, Hiện rõ pháp gia hộ chứng nhập; Hai, Nhìn thấy Dụng lễ lạy ca ngợi; Ba, Hiện bày về nhân duyên đạt được pháp; Bốn, Kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần một có ba: a) Nêu ra thân pháp môn của mình; b) Ánh sáng giữa chặng mảy gia hộ chứng nhập; c) Thiện Tài liền đạt được pháp môn. Ly cấu là màng mắt không còn. Viên mãn là Trí thanh tịnh đầy đủ, cho nên có thể nhìn thấy pháp.

Trong phần hai từ “Đắc thử Tam-muội...” trở xuống là trình bày nhìn thấy Dụng lễ lạy ca ngợi, có bốn: a) Nhìn thấy Đại Dụng ấy; b)

Thiện Tài lễ lạy cung kính; c) Vị trời hiện rõ hình tướng của mình; d) Thiện Tài nói kệ ca ngợi.

Trong phần a có ba: 1) Trình bày về nơi chốn dựa vào của Dụng; 2) Chính thức trình bày về tướng của Dụng đã hiện rõ; 3) Đưa ra nhân đã khởi Dụng.

Trong mục một là nơi chốn cũng có ba: Một, Trong vi trần trước đây nhìn thấy thế giới hiển bày về tướng trùng trùng của Nhân-đà-la-võng; Hai, Trong thế giới nhìn thấy chúng sinh lưu chuyển sinh tử; Ba, Phân biệt hình dáng chủng loại của thế giới trong mây trần không giống nhau. Trong này, thế giới hướng về thanh tịnh, là bởi vì chúng sinh ở trong Nhiễm độ tu hạnh của Tịnh độ; hướng về bất tịnh, là bởi vì gây ra nghiệp bất thiện hướng về ác đạo. Lại giải thích: Hướng về thanh tịnh là kiếp tăng mà hướng về thanh tịnh, hướng về bất tịnh là kiếp giảm mà hướng về uế tạp, thanh tịnh mà bất tịnh là thanh tịnh nhiều-uế tạp ít, bất tịnh mà thanh tịnh là uế tạp nhiều-thanh tịnh ít. Lại giải thích: Trước trong thanh tịnh có uế tạp, sau trong uế tạp có thanh tịnh.

Mục hai từ “Như thị đẳng...” trở xuống là chính thức trình bày về tướng của Dụng đã hiện rõ, trong đó có hai: Một, Tổng quát hiển bày; Hai, Từ “Vị địa ngục...” trở xuống là riêng biệt phân rõ. Trong riêng biệt phân rõ, có hai: a) Vì họ mà cứu khổ; b) Vì họ mà giáo hóa.

Trong mục a có ba: 1) Cứu giúp nỗi khổ của chúng sinh đường ác; 2) Cứu giúp nỗi khổ của chư Thiên cõi Dục; 3) Cứu giúp nỗi khổ trong loài người, có hai mươi loại sợ hãi, sợ hãi thọ sinh không hợp thời là sinh ra không gặp được thời có Phật.

Mục b từ “Hựu phục giáo hóa...” trở xuống dùng pháp mà trao cho, nghĩa là bốn sinh loại-ba cõi cùng thu nhận tất cả.

Mục ba từ “Mãn túc Đại nguyện cố...” trở xuống có mười bảy câu giải thích về nguyên do thành tựu giáo hóa, nghĩa là vì sao Bồ-tát dạo khắp trong các trần sát, mà hướng về năm nẻo-bốn sinh loại thường hiện rõ trước mắt, trừ bỏ đau khổ trao cho niềm vui? Giải thích rằng: Bởi vì đầy đủ Đại nguyện, cho nên mỗi một loại đều là một nguyên do. Dựa theo giải thích có thể biết.

Phần b từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về Thiện Tài mừng vui cung kính lễ lạy.

Phần c từ “Dạ Thiên tắc xả...” trở xuống là trình bày về vị trời hiện rõ hình tướng của mình, nghĩa là ẩn kín Thật đức mà hiện ra hình tướng Dạ Thiên.

Trong phần d là Thiện Tài nói kệ ca ngợi, có hai mươi tụng rưỡi:

Đầu là một tụng tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt: 1) Chín tụng rưới ca ngợi về lợi ích của ánh sáng nơi thân Dạ Thiên; 2) Từ “Hy Mục...” trở xuống là mười tụng thuật lại sự việc nhìn thấy trước đây.

Trong mục một có bốn: Đầu là ba tụng rưới ca ngợi về ánh sáng nơi thân làm lợi ích cho chúng sinh; tiếp là hai tụng ca ngợi về lợi ích ánh sáng của hương quý báu; tiếp là hai tụng ca ngợi về lợi ích ánh sáng của miệng và mắt; tiếp là hai tụng ca ngợi về thân làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Mục hai từ “Hy Mục...” trở xuống là trong phần thuật lại sự việc trước đây, có bốn: Đầu là hai tụng thuật lại ánh sáng gia hộ chứng pháp sau khi chỉ ra trước đây; tiếp là một tụng thuật lại Tam-muội đã đạt được; tiếp là ba tụng thuật lại Dạ Thiên dạo khắp các trần sát cứu giúp thân nhiếp chúng sinh trước đây; sau là bốn tụng thuật lại Dạ Thiên dạo khắp vô lượng cõi Phật cung kính cúng dường Như Lai.

Trong phần ba là trình bày về nhân duyên đạt được pháp, có hai: Trước hỏi, sau đáp.

Ngay trong phần trước là hỏi: a) Tổng quát ca ngợi rất hiếm thấy; b) Riêng biệt hỏi về pháp môn, có ba môn: 1) Hỏi về tên gọi của pháp môn; 2) Hỏi về đạt được pháp xa gần; 3) Hỏi về nhân hạnh của pháp môn.

Trong phần sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là đáp, có hai: a) Khen ngợi sâu xa khó nói ra; b) Từ “Đế thính...” trở xuống là nương theo uy lực nhận lời thuyết giảng.

Trong phần a có hai: 1) Không phải phạm vi của phần vị dưới; 2) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra hiển bày về cảnh của phần vị trên. Lại một là phạm phu-Tiểu thừa không nhận biết, hai là vạn hỏi về nguyên cơ không nhận biết. Từ “Mãn Phổ Hiền...” trở xuống là nêu ra nguyên cơ không nhận biết, bởi vì chỉ là cảnh nhận biết của các Đại Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền đã thành tựu đầy đủ, không phải hàng Nhị thừa... có thể nhận biết. Trong văn tóm lược nêu ra tám câu hiển bày về khó nhận biết, trình bày về Thiện Tài cũng có đủ sự nhận biết này có thể thích hợp để làm pháp khí, nghĩa là bởi vì Sự vốn rộng lớn, Lý vốn sâu sắc, thời gian vốn lâu xa, là tướng mầm rễ sâu dày của pháp môn này.

Trong phần b là nhận lời thuyết giảng, có hai: 1) Trong phần nhắc nhở lắng nghe nhận lời thuyết giảng, Đế thính là nhắc nhở lắng nghe mà không sai lầm, Thừa lực là hiển bày về nơi dựa vào mà thuyết giảng. 2) Từ “Phật tử...” trở xuống là trong phần chính thức thuyết giảng: Trước

là trường hàng, sau là kệ tụng.

Trong phần trước có ba đoạn lớn: Một, Ở trong kiếp Ly Cấu Viên Mãn cúng dường chư Phật tu hành; Hai, Từ “Kỳ hậu hữu kiếp...” trở xuống là ở trong kiếp Đại Quang Minh cúng dường chư Phật tu hành; Ba, Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về cúng dường chư Phật tu hành trong kiếp như số vi trần.

Ngay trong đoạn một, có mười: 1) Tổng quát nêu ra sự việc của mình; 2) Hiển bày nơi sinh của mình; 3) Cha mẹ sinh ra của mình; 4) Thân đời trước của mình; 5) Phật xuất thế làm lợi ích; 6) Phổ Hiền dẫn dắt; 7) Đức Nữ phát khởi cúng dường; 8) Nghe kinh có được lợi ích; 9) Nhân của đời trước kiên cố; 10) Kết luận về thông hiểu xưa nay.

Ngay trong mục hai là nơi sinh của mình, có ba: a) Tổng quát nêu ra thế giới; b) Từ “Bỉ thế giới Đông tể...” trở xuống là ở trong thế giới ấy riêng biệt hiển bày về một thế giới hệ (Tứ thiên hạ); c) Từ “Bỉ Diêm-phù...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về một Vương đô.

Mục ba từ “Thời bỉ thành trung...” trở xuống là trình bày về cha mẹ sinh ra của mình.

Mục bốn từ “Bỉ hữu nhất nữ...” trở xuống là trình bày về thân đời trước của mình, sau trình bày về con người lúc đó khởi lên điều ác là nguyên nhân xuất thế của Phật.

Mục năm từ “Thời bỉ Bắc thành...” trở xuống là trình bày về lợi ích xuất thế của Phật, trong đó: Một, Trình bày về nơi chốn Đạo tràng. Hai, Từ “Tối sơ Diệu Đức Tràng...” trở xuống là trình bày về Phật xuất thế thâm nhiếp giáo hóa.

Trong mục hai có bốn: a) Phát ra ánh sáng để khuyến nhủ thức tỉnh, phát ra ánh sáng có mười hai lớp, dần dần đều khiến cho bày tỏ nhận biết về sau Đức Phật xuất thế, từ “Phật tử bỉ Phật...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích của ánh sáng; b) Từ “Mãn thất nhật...” trở xuống là mặt đất rung động quy tụ mọi người; c) Từ “Nhất thiết Kim Cang...” trở xuống là ca ngợi phát khởi cúng dường; d) Từ “Thời bỉ tam thế...” trở xuống là trình bày về quy tụ chúng thuyết pháp.

Trong mục d có ba: 1) Chúng Bồ-tát quy tụ; 2) Phật chuyển pháp luân; 3) Từ “Linh vô lượng...” trở xuống là trình bày về chúng được lợi ích có hai: Trước là trình bày về chúng được lợi ích; sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên do có thể làm lợi ích.

Trong mục trước: Một là đạt được lợi ích của trời-người; Hai là đạt được lợi ích của Nhị thừa; Ba từ “Lập chúng sinh ư đồng mãn...” trở xuống là trình bày về lợi ích của Bồ-tát, trong có mười sáu câu: Đầu là

mười câu khiến cho trú vào phần vị Thập Tín; phát tâm Bồ-đề là khiến cho tiến vào phần vị Thập Trú, bởi vì bắt đầu Thập Trú là phần vị phát tâm; Bồ-tát đạo là phần vị Thập Hạnh; thanh tịnh Ba-la-mật là trong Thập Hồi Hưởng khiến cho thanh tịnh mười Độ hạnh trước đây; tiếp là khiến cho đạt được từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười, có thể biết; Đại nguyện thù thắng là hạnh trong phần vị Đẳng giác; hạnh nguyện Phổ Hiền là hạnh nguyện của Nhất thừa vô chướng ngại khắp nơi tất cả năm phần vị. Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích, có thể biết.

Mục sáu từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là trình bày về Phổ Hiền dẫn dắt, trong đó có bốn: Một, Ánh sáng nơi thân chiếu rọi làm mất đi; Hai, Nói cho biết Đức Phật xuất thế; Ba, Từ “Thời bỉ chúng sinh...” trở xuống là Đại chúng vui vẻ quy phục; Bốn, Từ “Thời bỉ Thánh Vương...” trở xuống là trình bày về Luân Vương đã đến.

Trong mục bốn có ba: a) Thân lên cao giữa hư không nói cho tất cả biết rõ; b) Nói kệ khuyên nhủ. Trong mục b có mười kệ phân bốn: Đầu là một kệ tổng quát khuyên nhủ đi đến; tiếp là năm kệ ca ngợi Đức Phật tích lũy công đức xuất thế khó gặp được; tiếp là ba kệ trình bày Đức Phật đã xuất thế có lợi ích to lớn hiện rõ trước mắt; sau cuối là một kệ khiến cho lo liệu lễ vật cúng dường để cúng dường Đức Phật. c) Hướng đến Đức Phật thiết lễ cúng dường.

Mục bảy từ “Nhĩ thời Diệu Đức nhãn nữ...” trở xuống là trình bày về Đức Nữ phát khởi cúng dường, trong đó có ba: Một, Cởi đồ vật trang nghiêm dâng lên Đức Phật; Hai, Biến thành lọng che quý báu; Ba, Đức Nữ nhìn thấy hoan hỉ.

Trong mục một, nếu tùy theo sự việc mà nói, thì bởi vì kính trọng Đức Phật, cho nên cởi đồ vật trang sức quý báu nơi thân để rải trên Đức Phật; nếu biểu thị cho hạnh mà nói, thì bởi vì phước-tuệ trang nghiêm mà mình đã tu, hồi hướng mong cầu quả Phật, cho nên dâng lên Đức Phật.

Trong mục hai từ “Thời trang nghiêm cụ...” trở xuống là trình bày Đức Phật tiếp nhận biến thành lọng che quý báu, trong đó: a) Hiện bày lọng che trang nghiêm, như lầu đài thanh tịnh sáng ngời là nêu ra lầu quán của Di-lặc ở văn sau làm Dụ; b) Từ “U kỳ cái trung...” trở xuống là trình bày những điều hiện rõ bên trong bảo cái.

Trong mục b có bốn: 1) Hiện rõ Đức Phật Lô-xá-na và chúng Bồ-tát...; 2) Từ “Hựu kiến nhất thiết chư kiếp...” trở xuống là trình bày về hiện rõ những thế giới khác-những Đức Phật khác; 3) Nhìn thấy nghiệp dụng của Phổ Hiền; 4) Nhìn thấy Đế vông trùng trùng, đủ loại thế giới,

Phật xuất thế khác nhau, thuyết về pháp khác nhau.

Mục ba từ “Thời bỉ nữ kiến...” trở xuống là trình bày về thấy nghe hoan hỷ, mà tăng thêm thiện căn thành tựu pháp khí.

Mục tám từ “Nhĩ thời Diệu Đức Tràng Phật...” trở xuống là trình bày về nghe kinh đạt được lợi ích, trong đó: Một, Nêu ra kinh chủ-bạn mà Phật đã thuyết, Pháp luân dựa theo Nghĩa, Diệu âm dựa theo Giáo. Hai, Trình bày về lợi ích đã đạt được, trong đó có ba: a) Đạt được lợi ích của Tam-muội, trước là tổng quát-tiếp là riêng biệt-sau là kết luận, trong riêng biệt tóm lược phân rõ về mười hai loại; b) Từ “Phục đắc tịnh tâm...” trở xuống là trình bày về lợi ích đạt được tâm thanh tịnh, văn tóm lược nêu ra ba mươi bốn tâm; c) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là trình bày về lợi ích đạt được pháp môn.

Trong đó, mục a) Những tâm như vậy sinh ra, trình bày về chỗ dựa của pháp môn, là tổng quát nêu ra; mục b) Riêng biệt hiển bày về chín loại; mục c) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận, có thể biết.

Mục chín từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về nhân của đời trước kiên cố; lại ở trước đây, là kiếp Ly Cấu Viên Mãn trước đây đã từng tạo tượng, đã phát tâm kiên cố.

Trong mục mười là kết luận về thông hiểu xưa nay, có ba: Một, Dích thực thông hiểu xưa nay; Hai, Từ “Thiện nam tử ngã dĩ...” trở xuống là kết luận về lợi ích đã thành tựu; Ba, Từ “Cung kính cúng dường...” trở xuống là trình bày về chuyển sang tu hạnh thù thắng làm thanh tịnh pháp môn trước đây.

Đoạn hai từ “Kỳ hậu hữu kiếp...” trở xuống là trình bày về cúng dường chư Phật tu hành trong kiếp Đại Quang Minh, trong đó có ba: 1) Tổng quát nêu ra; 2) Từ “Kỳ tối sơ...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về chín Đức Phật đều chuyển sinh-cúng dường-nghe kinh-thọ trì; 3) Từ “Phật tử như thị đẳng...” trở xuống là lợi ích cuối cùng ở bên cạnh Đức Phật mà đạt được pháp.

Đoạn ba từ “Phật tử như thị đẳng thế giới vi trần...” trở xuống là tổng quát kết luận về cúng dường chư Phật tu hành trong kiếp như số vi trần, trong đó có bốn: 1) Cúng dường chư Phật-nghe pháp; 2) Từ “Ưu nhất nhất...” trở xuống là đạt được pháp-thâu nhiếp hạnh; 3) Từ “Ưu niệm niệm...” trở xuống là được thấy Phật-thành tựu hạnh; 4) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên do thành tựu hạnh, bởi vì nhiều pháp đã thuyết ra, cho nên dựa vào pháp mà thành tựu hạnh cũng nhiều.

Trong phần sau là trùng tụng, có ba mươi tám tụng rưỡi: Hai tụng

đầu là nhắc nhở lắng nghe nhận lời thuyết giảng trao cho pháp môn đã đạt được, còn lại là chính thức tụng về văn trước đây. Trong đó: Một, Hai tụng về số lượng tổng quát trong kiếp Ly Cấu; Hai, Ba mươi một tụng rưỡi là riêng biệt hiển bày, sơ lược nêu ra đã cúng dường một trăm mười Đức Phật; 3) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là ba tụng kết luận về đạt được pháp khuyến khích khiến cho mau chóng đầy đủ.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của mình. Bản văn Thiên Trúc gọi là Pháp môn Hiện ra tất cả thế gian đối diện thấy rõ chúng sinh giáo hóa trước đây.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có mười câu: Một, Hành rộng lớn; Hai, Tất cả đều thuận theo hành sâu xa; Ba, Thân tâm chính đáng; Bốn, Căn hải đầy đủ; Năm, Có đủ Nguyên môn; Sáu, Có đủ Định rộng rãi; Bảy, Thành tựu thần thông thù thắng; Tám, Tu tập nhiều Trí; Chín, Tiến vào tận cùng của Chứng; Mười, Kết luận không phải phạm vi của mình có thể biết. Phần vị thứ tư là Diệm Địa, xong.

Trong phần vị thứ năm là Tri thức Nan Thắng Địa, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Giống với Phật chứng được Chân Như mà ở tại Đạo tràng, cũng cùng với Địa trước giống như chứng được Chân Như, cho nên nói là cách tôi không xa. Thiên của Địa thứ năm tăng lên, cho nên gọi là Tịch Tĩnh Âm. Nơi chốn quý báu... là trình bày nêu ra phần vị chủ-bạn.

Trong phần hai, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào.

Trong phần ba, Từ “Đầu diện...” trở xuống là lễ lạy cung kính bày tỏ thưa hỏi.

Phần bốn, Từ “Nhĩ thời Dạ Thiên cáo Thiện Tài...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó: Trước là khen ngợi pháp khí, sau là chính thức trao cho pháp. Tóm lược đưa ra bốn môn: Một, Hiển bày về tên gọi và Thể của pháp; Hai, Phân rõ về nghiệp dụng của pháp; Ba, Gốc rễ sâu cạn của pháp; Bốn, Kết luận tên gọi thuộc về mình.

Trong phần một là nêu ra tên gọi và Thể: Pháp môn Vô Lượng Hoan Hỷ Trang Nghiêm, một là dùng pháp trang nghiêm để giáo hóa vô lượng chúng sinh khiến cho hoan hỷ, hai là nhìn thấy pháp trang nghiêm thuộc nhân quả của Phật mà sinh lòng hoan hỷ vô lượng. Văn sau có đủ hai loại này cho nên đưa ra hai cách giải thích, tức là lấy Bi-Trí vui thích vừa ý làm tánh. Bản văn Thiên Trúc gọi là Khởi tâm yêu thích rộng rãi trong sát-na nhanh chóng trang nghiêm Bồ-tát giải

thoát.

Trong phần hai là phân rõ về nghiệp dụng: Trước là thưa hỏi, sau là giải đáp.

Trong phần trước là tổng quát thưa hỏi về bốn pháp môn: a) Thưa hỏi về việc làm của pháp môn, là chính thức hiển bày về nghiệp dụng; b) Thưa hỏi về cảnh giới của pháp môn, là trình bày về những cảnh quán sát; c) Thưa hỏi về phương tiện của pháp môn, là hiển bày về phương tiện khéo léo; d) Thưa hỏi về nhân hạnh của pháp môn, là chính thức hiển bày về những nhân ấy.

Trong phần sau là giải đáp, giải đáp bốn câu hỏi trên đây tức là bốn đoạn.

Trong đoạn thứ nhất là giải đáp về nghiệp dụng của việc làm, có ba: 1) Có thể làm thanh tịnh biển tâm của chúng sinh; 2) Có thể diệt trừ chướng-thành tựu đức cho chúng sinh; 3) Tổng quát kết luận về việc làm.

Trong mục một, mười tám trước thiếu đi một: Đầu là một tâm tổng quát, nghĩa là đem giáo pháp để giảng dạy khiến cho nghe mà xông ướp vào biển tâm, khiến cho chấm dứt vọng niệm mà hiện rõ Thể của tâm thanh tịnh; sau là tám tâm riêng biệt phân rõ có thể biết.

Trong mục hai từ “Thiện nam tử ngã vị chúng sinh...” trở xuống là diệt trừ chướng-thành tựu đức, có hai: Một, Tổng quát trình bày về trừ diệt nỗi khổ mang lại niềm vui. Hai, Từ “Nhược kiến chúng sinh tại gia...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về diệt trừ chướng-thành tựu đức, trong đó có ba mươi ba loại phân năm: a) Mười bốn môn phân ra mười Độ để giáo hóa mười bốn loại chúng sinh, trước là Thí-Giới đều có năm môn, Nguyên-Độ đều có hai môn, đó là tâm đầu không cầu Đại quả, tâm sau rời bỏ chúng sinh giáo hóa; b) Từ “Vị vô sắc giả...” trở xuống là ba môn giáo hóa chúng sinh chán ngán Sắc-vui thích Vô sắc; c) Từ “Vị khổ não giả...” trở xuống là hai môn giáo hóa chúng sinh có khổ não; d) Từ “Vị viên quán giả...” trở xuống là bảy môn giáo hóa chúng sinh đắm vào nơi chốn; e) Từ “Vị tham dục đa...” trở xuống là bảy môn giáo hóa chúng sinh bị phiền não chướng ngại.

Mục ba từ “Ngã dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về thành tựu tên gọi của pháp môn trước đây. Đây là giáo hóa chúng sinh khiến cho thành tựu đức trang nghiêm mà sinh lòng hoan hỷ.

Đoạn thứ hai từ “Phục thứ thiện nam tử...” trở xuống là giải đáp câu hỏi về cảnh giới, trong đó có hai: 1) Phân rõ về quán sát cảnh giới của Bồ-tát; 2) Từ “Hựu thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về quán

sát cảnh giới của Như Lai.

Trong mục một: Đầu là nêu ra cảnh đã quán sát để giải thích hiển bày về trang nghiêm; sau từ “Ngã kiến...” trở xuống là phân rõ về hoan hỷ vô lượng.

Trong mục đầu có hai mươi bốn câu về các loại: a) Đức sai biệt trong đức thuộc Tự phần; b) Từ “Chúng chủng phương tiện nhập Như Lai...” trở xuống là trình bày về đức sai biệt tiến vào quả thuộc Thắng tiến, đều có thể biết.

Ngay trong mục hai là quán sát cảnh giới của Như Lai, có hai: a) Có mười môn quán sát về Tướng-Dụng thuộc cảnh giới của Phật, đều trước là nhìn thấy quả Phật trang nghiêm, sau là sinh lòng hoan hỷ vô lượng: Đầu là ba môn về ánh sáng nơi thân trang nghiêm, tiếp là hai môn về mây ánh sáng trang nghiêm, tiếp là hai môn về hành tướng trang nghiêm, sau cuối là ba môn về chúng xuất hiện trang nghiêm. b) Từ “Khởi giả phi khởi...” trở xuống là trình bày về đã nhìn thấy Tướng-Dụng... của ánh sáng nơi thân, khởi lên tức là không phải khởi lên, trình bày về Dụng mà thường Tịch, bởi vì chủ động hoan hỷ và thụ động hoan hỷ đều bình đẳng vô tánh. Trong đó: Trước là nêu ra; tiếp từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên do không khởi lên; sau từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về cảnh giới.

Đoạn thứ ba từ “Phật tử thử pháp môn giả...” trở xuống là giải đáp về nghĩa phương tiện khéo léo của pháp môn, trong đó có ba mươi hai môn: Đầu là một môn tổng quát hiển bày về phương tiện; tiếp là tám môn dựa theo Pháp thuyết giảng về phương tiện; sau là hai mươi ba môn dựa theo Dụng hiển bày về phương tiện khéo léo. Sau kết luận: Lấy không phải Dụng để làm Dụng, lý thật thì pháp này không phải Dụng thế gian có thể ví dụ, sơ lược nêu ra để Dụng cho một phần ít.

Đoạn thứ tư từ “Thiện Tài bạch...” trở xuống là trình bày về nhân hạnh của pháp môn, bởi vì cách xa câu hỏi trước đây, cho nên trở lại thưa hỏi để phát khởi. Trong giải đáp có ba: 1) Tổng quát nêu ra số lượng; 2) Riêng biệt nêu ra hành tướng, bởi vì tu mười hạnh Ba-la-mật cho nên đạt được pháp môn này; 3) Từ “Phật tử thị vi...” trở xuống là kết luận về thực hành mà đạt được quả.

Phần ba từ “Thiện Tài bạch ngôn...” là trình bày về gốc rễ sâu cạn của pháp: Trước là thưa hỏi; sau là giải đáp.

Trong giải đáp có hai: Trước là trường hàng, sau là kệ tụng.

Trong phần trường hàng có bốn: 1) Trình bày về nhận biết phát tâm tu hành trong kiếp Phổ Chiếu Tràng ở quá khứ; 2) Từ “Ư bỉ Phật

sát...” trở xuống là tu hành trải qua trần số kiếp ở thế giới của hai Đức Phật; 3) Từ “Tối hậu mạng chung...” trở xuống là trình bày về tu hành đạt được pháp ở trong kiếp Hiền này; 4) Từ “Thiện nam tử nhữ sở vấn ngã...” trở xuống là kết thúc giải đáp về những điều đã hỏi.

Trong mục một có ba: Một, Trình bày về lúc đầu ở bên cạnh Đức Phật phát tâm đạt được Định; Hai, Từ “Bỉ đạo tràng thượng...” trở xuống là trình bày về chuyển sinh lại gặp được Đức Phật khác mà đạt được pháp, sơ lược nêu ra mười đời gặp được mười Đức Phật đạt được mười Tam-muội; Ba, Từ “Như thị thứ đệ...” trở xuống là tổng quát kết luận về mười sát trần Đức Phật và thọ sinh đạt được pháp. Trên đây là trình bày về chư Phật đã được thấy trong một kiếp.

Mục hai từ “Ư bỉ Phật sát...” trở xuống là trình bày trong hai sát trần kiếp đều cúng dường chư Phật-tu hành và đã trải qua thọ sinh, hiển bày về gốc rễ của pháp môn này sâu xa không có cuối cùng.

Mục ba từ “Tối hậu mạng chung...” trở xuống là trình bày về cúng dường chư Phật-tu hành trong kiếp Hiền này, trong đó có ba: Một, Gặp được ba Đức Phật như Câu-lâu-tôn... mà đạt được Định, bởi vì Nhân độ này ở trong Hoa Tạng, nêu ra gốc bao gồm ngọn, cho nên nói là sinh ở những nơi này. Hai, Từ “Kim phục...” trở xuống là trình bày về được gặp Đức Phật Lô-xá-na, chính thức đạt được Thể của pháp môn này. Ba, Từ “Đắc pháp dĩ thâm nhập...” là đạt được Dụng của pháp môn, trong đó có mười: Đầu là tổng quát nêu ra biển của phương tiện khéo léo đã đạt được. Sau từ “Dĩ thử...” trở xuống là chín môn riêng biệt hiển bày về nghiệp dụng: 1) Nhìn thấy chư Phật trong mảy trần. 2) Nhìn thấy Phật Lô-xá-na ở khắp nơi. 3) Từ “Kiến bỉ chư Phật, nhất nhất mao khổng...” trở xuống là trình bày nhìn thấy Hóa thân của chư Phật đầy khắp pháp giới. 4) Từ “Quán sát tam thế...” trở xuống là giống như Phật mà tiến vào Chứng, quán sát về Thể vốn giống như Phật, sinh ra đều dựa vào Chứng mà khởi Dụng sai biệt; đầu là môn Tổng trì xuất sinh, nghĩa là dựa vào bình đẳng sinh ra tất cả phương tiện, trong tất cả này đều có một sinh ra tất cả, trùng trùng sinh ra cho đến mười một lớp, mỗi một lớp đều như vậy, đây là Vô tận vô tận pháp môn hải. 5) Từ “Đắc viên mãn trí...” trở xuống là trình bày về soi chiếu biển Hạnh thuộc mười Độ của Phật quá khứ. 6) Từ “Phổ chiếu Như Lai quá khứ vô lượng...” trở xuống là trình bày về soi chiếu địa vị đã đạt được của Phật quá khứ. 7) Từ “Tri vô lượng Phật...” trở xuống là trình bày về nhận biết biển Hạnh thuộc Tự lợi-Lợi tha lúc còn ở phân vị Bồ-tát của Phật quá khứ. 8) Từ “Phổ chiếu Như Lai Nhất-thiết-trí...” trở xuống là trình bày về trì pháp

soi chiếu Phật. 9) Từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là tổng quát kết luận về đã nhận biết.

Trong phần kết luận về giải đáp, có năm: 1) Tổng quát kết luận về giải đáp; 2) Từ “Như thử thế giới...” trở xuống là bởi vì bốn Đức Phật tương tự ngàn Đức Phật trong kiếp Hiền; 3) Từ “Như cúng dường Hiền kiếp...” trở xuống là tương tự tất cả thế giới khắp mười phương, chư Phật trong tất cả các kiếp vị lai thấy đều cúng dường; 4) Thế giới Ly Cấu ấy hãy còn tồn tại, là bởi vì hiện tại của quá khứ trong mười đời này vốn thuộc về hiện tại của hiện tại, lại là Tịnh độ cho nên không có tai họa hủy hoại; 5) Từ “Nhữ đương...” trở xuống là kết thúc khuyến khích kiến cho học theo.

Trong phần sau là kệ tụng, có mười kệ phân năm: Đầu là một kệ nhắc nhở lắng nghe khuyến khích học theo; tiếp là hai kệ trình bày nhân tu rộng lớn xa xôi; tiếp là hai kệ cúng dường báo ân ruộng phước; tiếp là bốn kệ cứu giúp khổ nạn cho chúng sinh; sau cuối là một kệ hiển bày Đại nguyện của mình.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Trước là nêu ra những điều đã mở rộng, đó là thời gian và nơi chốn của Tri thức; sau là không phải mình nhận biết. Phần vị thứ năm là Nan Thắng Địa, xong.

Trong phần vị thứ sáu là Tri thức Hiện Tiền Địa, cũng có năm phần:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đạo tràng-Phật và chúng đều giải thích giống như trước. Diệu Đức Thủ Hộ Chư Thành, là dựa vào Chứng khởi lên Trí tổng trì gọi là Diệu Đức; thường xuyên đi vào kinh thành Nhất-thiết-trí cho nên nói là Thủ Hộ; lại dùng Trí quán để canh giữ kinh thành của tâm, khiến cho lìa xa vọng niệm mà gọi tên.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào, có bốn: Một, Trong kệ ca ngợi có mười tụng: 1) Một tụng làm sáng tỏ mình đã thọ giáo mà còn thấy được cảnh hiểm có này; 2) Hư vọng không nhận biết; 3) Tuyệt diệu nhìn không hề chán; 4) Không vướng mắc mà hiện rõ năng lực; 5) Không lay động mà được thấy Phật; 6) Ánh sáng trí tuệ soi chiếu căn cơ; 7) Nhận biết nghiệp mà hiện thân; 8) Nhận biết thế gian và Phật bình đẳng; 9) Lìa xa tướng mà thuyết pháp; 10) Tu hạnh rộng lớn. Hai, Lễ lạy cung kính từ tạ ra đi. Ba, Suy nghĩ đến pháp trước đây, đầu là trí tuệ phân biệt để lựa chọn nghĩa ấy, tùy thuận... là hướng về

Chứng tương ứng với tu rộng rãi, thân chứng là Chánh Chứng thuộc về thân tương ứng hiện ra rõ ràng. Bốn, Đi đến... là đến phần vị tiếp sau.

Trong phần ba, Từ “Kiến bỉ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính bày tỏ thưa hỏi, có ba: Một, Trong phần nhìn thấy Y-Chánh thù thắng: a) Nhìn thấy quyền thuộc của Y báo; b) Nhìn thấy thân mây của Chánh báo, có mười một loại thân. Hai, Từ “Thiện Tài...” trở xuống là lễ lạy cung kính. Ba, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là bày tỏ thưa hỏi.

Phần bốn, Từ “Thời bỉ Dạ Thiên cáo...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong đó có hai: Một, Khen ngợi pháp khí. Hai, Từ “Ngã dĩ thành...” trở xuống là chính thức hiển bày về pháp của mình, trong đó có bốn: a) Nêu ra tên gọi và Thể của pháp; b) Hiển bày về nghiệp dụng của pháp; c) Phân rõ về gốc rễ sâu cạn của pháp; d) Kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần a: Chánh chứng pháp giới gọi là Thâm Thâm, Trí hậu đắc hàm chứa biện tài gọi là Diệu Đức, truyền bá giáo pháp tùy theo căn cơ mở rộng tóm lược vô ngại gọi là Tự Tại Âm Thanh.

Phần b từ “Thị cố Phật tử...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng, trong đó có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong phần trước là tổng quát, có sáu: 1) Sự giáo hóa của bậc Đại Sư thù thắng; 2) Sự giáo hóa của bậc Điều Ngự Sư; 3) Sự giáo hóa như mặt trời trong sáng rực rỡ; 4) Sự giáo hóa của tâm bình đẳng; 5) Từ “Ngã thường dĩ pháp thí...” trở xuống là chính thức hiển bày về Pháp thí thân nhiếp chúng sinh; 6) Từ “Ngã dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích của trí tuệ.

Trong phần sau từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là riêng biệt phân rõ, có bốn: 1) Giải thích về nghĩa Thâm Thâm; 2) Giải thích về nghĩa Diệu Đức; 3) Giải thích về nghĩa Âm Thanh Tự Tại; 4) Tổng quát kết luận về ba nghĩa trên.

Trong mục một có ba: Một, Đưa ra số lượng tổng quát nêu lên; Hai, Từ “Sở vị...” trở xuống là giải thích về nghĩa của tên gọi riêng biệt; Ba, Từ “Phật tử ngã dĩ...” trở xuống là tổng quát kết luận về nghiệp dụng.

Trong mục một là tổng quát: Quán sát vốn là Trí soi chiếu, Tùy thuận vốn là hưởng về, Nhiếp thủ vốn là Chánh Chứng.

Trong mục hai là riêng biệt: Nêu ra mười loại nghĩa trong pháp giới, dựa theo mười loại hạnh để hiển bày, bởi vì hạnh nhất định phải hợp với lý, lý nhờ vào hạnh mà hiển bày.

Trong mục hai từ “Phật tử ngã như thị tư duy...” trở xuống là giải

thích về nghĩa Diệu Đức: Một, Tổng quát nêu ra; Hai, Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về mười môn, Tổng trì-Thắng trí-Diệu đức đầy đủ cho nên gọi là Viên mãn; Ba, Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích cho chúng sinh.

Trong mục ba từ “Phục thứ Phật tử ngã hoặc...” trở xuống là giải thích về nghĩa Âm Thanh Tự Tại: Một, Riêng biệt hiển bày có hai mươi ba câu, ba câu đầu là dựa theo ba Tuệ để phân rõ về pháp, hai mươi câu sau là dùng mười pháp dựa theo mở rộng-tóm lược để phân rõ về pháp. Hai, Từ “Phật tử dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận, có thể biết.

Mục bốn từ “Phật tử ngã thâm...” trở xuống là đều kết luận về pháp trước đây: Tiến vào pháp giới Vô hoại là kết luận về nghĩa Thâm Thâm thứ nhất, biết đến cuối cùng Chánh pháp của Như Lai là kết luận về Diệu Đức tổng trì, dùng Pháp thí Vô thượng... là kết luận về Âm Thanh Tự Tại.

Từ “Phật tử ngã dĩ thành...” trở xuống là kết luận về Thể của pháp thuộc Tự phần; từ “Niệm niệm...” trở xuống là kết luận về nghiệp dụng.

Phần c từ “Nhĩ thời Thiên Tài...” trở xuống là phân rõ về đạt được pháp xa gần mà trình bày về gốc rễ sâu cạn của pháp, trong đó: Trước là thưa hỏi, sau là giải đáp.

Trong giải đáp có hai: 1) Trình bày về cúng dường chư Phật-tu hành trong kiếp Ly Cấu Quang Minh; 2) Từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là trình bày về cúng dường chư Phật-tu hành ở trong cõi Phật trải qua trần số kiếp.

Trong mục một có ba: Một, Pháp môn đã đạt được từ Đức Phật đầu tiên; Hai, Từ “Thứ hữu Phật...” trở xuống là sơ lược nêu ra chín mươi tám Đức Phật đã được gặp; Ba, Từ “Phật tử ư Ly Cấu...” trở xuống là tổng quát kết luận về chư Phật như vi trần của núi Tu-di.

Trong mục một có sáu: 1) Nêu ra thời gian đi đến. 2) Từ “Thời hữu thế giới...” trở xuống là hiển bày nơi chốn đi đến. 3) Từ “Ư bỉ thành ngoại...” trở xuống là trình bày đến nơi Đức Phật xuất thế. 4) Từ “Thời hữu Chuyển Luân Vương...” trở xuống là trình bày về Phụ Vương tu hành, trong đó có ba: a) Nhà vua nghe pháp xuất gia; b) Thấy người ác phá hoại pháp; c) Bảo vệ pháp khiến cho hưng thịnh. 5) Từ “Thời hữu Tỳ-kheo Ni...” trở xuống là trình bày về thân này của Dạ Thiên phát tâm đạt được pháp. 6) Từ “Phật tử thời Luân Vương...” trở xuống là kết luận về thông hiểu xưa nay và lợi ích đạt được pháp.

SỐ 1735 HOA NGHIÊM KINH THAM MUI HUYỀN KỲ (Quảng)
Mục hai từ “Thị cố Như Lai...” trở xuống là sơ lược nêu ra chín mươi tám Đức Phật.

Mục ba từ “Phật tử ư Ly Cấu...” trở xuống là kết luận về chư Phật như vi trần của núi Tu-di, đều cúng dường chư Phật-tu hạnh bảo vệ pháp môn.

Trong mục hai từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là trình bày về cúng dường chư Phật-tu hành ở trong cõi Phật trải qua trần số kiếp.

Từ “Thị cố Phật tử...” trở xuống là hiển bày về tên gọi Dạ Thiên, có thể biết.

Phần d từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của mình.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có mười câu: Một, Hiểu rõ lời nói; Hai, Nhận biết về tâm; Ba, Âm thanh lời nói phù hợp; Bốn, Khéo léo sắp xếp lời nói; Năm, Phân biệt về pháp; Sáu, Thâu nhiếp tổng trì; Bảy, Khéo léo đưa ra pháp; Tám, Thâu nhiếp chúng sinh; Chín, Thuận với Trí thanh tịnh; Mười, Thực hiện Pháp thí. Phần vị thứ sáu là Hiện Tiền Địa, xong.

